**VÀI LỜI THẲNG THẮN TRƯỚC KHI GỬI THẦY CÔ KÝ 2**

**- Tài liệu, giáo án là do công sức của nhóm mình biên soạn và chỉ phục vụ cá nhân, MÌNH ĐÃ ẨN THÔNG TIN FACEBOOK (ZALO) VÀO BẢN GIÁO ÁN TRƯỚC KHI GỬI, MỖI NGƯỜI SẼ CÓ MỘT MÃ ĐỊNH DANH RIÊNG, thầy cô vui lòng không chia sẻ lên các hội nhóm zalo, facebook giúp mình.**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**BÀI 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù:**

**Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học (Chủ đề bài 6):**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

**2. Năng lực chung:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**II. Phẩm chất**

* Yêu thương bạn bè, người thân
* Biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 6 buổi sáng:**

* **Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:**

**Yêu cầu:** Làm video giới thiệu tác giả và tác phẩm có trong bài học 6, ví dụ:

*+ Truyện ngụ ngôn và những bài học cuộc sống...*

(Có thể tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ giữa nhà văn với phóng viên và tiến hành cuộc phỏng vấn).

* **Nhóm 3, 4: Nhóm Hoạ sĩ**  (PP phòng tranh)

**Yêu cầu:**

+ Cách 1: Chọn 1 văn bản và vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của văn bản đó.

+ Cách 2: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ nội dung các văn bản đã học của bài 6.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 6:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  + *Văn bản 1: Đẽo cày giữa đường (Ngụ ngôn Việt Nam)*  *+ Văn bản 2*: *Ếch ngồi đáy giếng (Trang Tử)*  *+ Văn bản 3: Con mối và con kiến (Nam Hương)*  *+ Văn bản 4: Một số câu tục ngữ Việt Nam* |
| **Thực hành đọc :**  *+ Con hổ có nghĩa (Vũ Trinh)*  *+Thiên nga, cá măng và tôm hùm (I-van Crư-lốp)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** *Thành ngữ, Biện pháp tu từ Nói quá.* |
| **Viết** | **Viết:** *Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)* |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** *Kể lại một truyện ngụ ngôn; kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.* |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 6.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 6.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**Câu hỏi:**

* Hãy liệt kê lại các văn bản đọc hiểu trong bài học 6**.**
* So sánh các đặc điểm của truyện ngụ ngôn với truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.
* Một số đặc điểm riêng của truyện ngụ ngôn.
* Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản truyện ngụ ngôn.

**1. Một số kiến thức chung về thể loại truyện ngụ ngôn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Trong truyền thuyết** | **Trong truyện cổ tích** | **Trong truyện ngụ ngôn** |
| Đề tài | Sự kiện, nhân vật lịch sử tái hiện qua văn bản | Hiện tượng cuộc sống được tái hiện qua văn bản | Thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống |
| Nhân vật | -Thường có những đặc điểm khác lạ về lai lịch, tài năng, sức mạnh; thường gắn với các sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng, được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ | Thường kể về một số kiểu nhân vật như nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,… | Có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được kể gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, bác nông dân,… |
| Sự kiện | Chuỗi sự việc sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên quan chặt chẽ với nhau. | Xoay quanh một sự việc hoặc chuỗi sự việc liên quan đến nhân vật chính theo trình tự thời gian. | Một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. |
| Cốt truyện | -Thường xoay quanh công trạng, kì tích của các nhân vật, thường sử dụng yếu tố kì ảo làm nổi bật tài năng, sức mạnh của nhân vật, cuối truyện thường nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại | - Thường sử dụng các yếu tố kì ảo, hoang đường, mở đầu bằng: “Ngày xửa, ngày xưa…” và kết thúc có hậu | Thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó. |

* **Một số yếu tố khác của truyện ngụ ngôn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Đặc điểm trong truyện ngụ ngôn** |
| **Tình huống truyện** | Là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa câu chuyện được khơi sâu. |
| **Không gian trong truyện:** | Mà khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy xa sự kiện câu chuyện. |
| **Thời gian trong truyện** | Một thời điểm, một khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể. |

* **Chiến lược đọc hiểu truyện ngụ ngôn:**
* Đọc kỹ văn bản để xác định chủ đề của truyện ngụ ngôn.
* Đọc kỹ văn bản để nhận diện được hình tượng nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn.
* Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện deder từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản, đánh giá được bài học nhận thức, luân lí ngụ ý trong truyện.
* Liên hệ để thấy được bài học rút ra từ văn bản truyện ngụ ngôn có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01:**

|  |
| --- |
| **Câu 1: Truyện ngụ ngôn là một thể loại của bộ phận văn học nào?**  A.Văn học dân gian.  B. Văn học trung đại.  C. Văn học cách mạng.  D. Văn học hiện đại.  **Câu 2: Thế nào là truyện ngụ ngôn?**  A. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.  B. Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.  C. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.  D. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.  **Câu 3: Nội dung của truyện ngụ ngôn thường là?**  A.Kể về số phận cuộc đời của nhân vật; tinh thần đấu tranh chống áp bức.  B. Phê phán thói hư tật xấu của con người; nêu những bài học – triết lí nhân sinh; tinh thần đấu tranh chống áp bức, bất công trong xã hội.  C. Phê phán thói hư tật xấu của con người, nêu những bài học triết lí – nhân sinh.  D. Kể về chiến công hiển hách của những nhân vật anh hùng.  **Câu 4**: **Mục đích chủ yếu của truyện ngụ ngôn là gì?**  A. Kể chuyện  B. Thể hiện cảm xúc  C. Gửi gắm ý tưởng, bài học  D. Truyền đạt kinh nghiệm  **Câu 5:** **Truyện ngụ ngôn thiên về chức năng nào?**  A. Phản ánh cuộc sống  B. Giáo dục con người  C. Tố cáo xã hội  D. Cải tạo con người xã hội  **Câu 6: Những đối tượng nào có thể trở thành nhân vật trong truyện ngụ ngôn**  A. Con người  B. Con vật  C. Đồ vật  D. Cả ba đối tượng trên  **Câu 7: Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm nội dung của truyện ngụ ngôn?**   1. Phê phán thói hư tật xấu của con người trong xã hội 2. Đưa ra những lời khuyên cho con người về cách đối nhân xử thế. 3. Ngụ ngôn thường dựa trên các sự kiện, nhân vật có thật trong lịch sử để xây dựng cốt truyện. 4. Ngụ ngôn là một kiểu truyện ngắn mang nội dung giáo dục đạo đức   **Câu 8: Nhận xét nào sau đây không đúng với đặc điểm hình thức của truyện ngụ ngôn?**   1. Truyện ngụ ngôn được viết theo hình thức tự sự. 2. Truyện ngụ ngôn thường là văn xuôi hoặc thơ. 3. Nhân vật trong truyện ngụ ngôn thường là con vật, đồ vật hoặc chính con người. 4. Truyện ngụ ngôn thường có nhiều tình tiết phức tạp.   **Câu 9: Theo em, truyện ngụ ngôn thường diễn đạt hàm ý theo kiểu nào?**   1. Ẩn dụ 2. So sánh 3. Hoán dụ 4. Nói quá   **Câu 10: Sau khi đọc hiểu truyện ngụ ngôn, người đọc cần?**  A.Liên hệ với thực tiễn đời sống để tìm bài học cho bản thân.  B. Đối chiếu truyện với hiện thực cuộc sống, với chính bản thân, từ đó điều chỉnh hành vi, quan điểm của bản thân.  C. Trải nghiệm hoàn cảnh, tình huống giống như trong truyện và rút ra bài học.  D. Tìm những sự việc, con người tương đồng, từ đó rút ra bài học cho bản thân**.** |

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 02: Chia lớp thành 03 nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên đoạn trích/ truyện** | *Đẽo cày giữa đường* **(nhóm 1)** | *Ếch ngồi đáy giếng* **(nhóm 2)** | *Con mối và con kiến*  **(nhóm 3)** |
| 1**.** Nhân vật chính |  |  |  |
| 2. Các sự kiện chính |  |  |  |
| 3. Nội dung, ý nghĩa truyện |  |  |  |
| 4. Đặc sắc nghệ thuật |  |  |  |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN 1: ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (NGỤ NGÔN VIỆT NAM)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **1. Tìm hiểu chung**  - Tóm tắt: Truyện kể về một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về đề đẽo cày bán. Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý. Mỗi lần nghe người khác góp ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào, vốn liếng cũng hết sạch.  **a. Nhân vật chính:**  Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.  **b. Các sự kiện chính:**  - Có rất nhiều người xem anh ta đẽo cày và mỗi người góp một ý khác nhau:  + Lần 1: Phải đẽo cao, to mới dễ cày. => Cho là phải – đẽo  + Lần 2: Phải đẽo nhỏ, thấp hơn.=> Cho là phải – đẽo  + Lần 3: Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày.=> Liền đẽo ngay  => Anh thợ mộc không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác.  **\* Kết quả của việc đẽo cày**  - Anh ta bày đầy hàng ra nhưng không ai mua, tất cả gỗ đẽo đều hỏng hết, vốn liếng đi đời nhà ma.  => Anh thợ mộc hết vốn liếng, không đạt được kết quả mong muốn.  **2. Đánh giá**  **+ Nghệ thuật**  - Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3.  - Tình tiết có mức độ tăng dần.  - Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống  **+ Nội dung**  - Câu chuyện kể về người thợ mộc đẽo cày theo ý người khác dẫn đến kết quả mất hết vốn liếng.  - Qua đó, tác giả dân gian nhắn nhủ mỗi người cần có chính kiến, kiên định, biết lắng nghe có chọn lọc, không nên vội vàng nghe theo lời người khác. |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN 2: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG (Trang Tử)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **1. Tìm hiểu chung:**  **a. Tóm tắt**  Một con ếch cảm thấy cuộc sống của mình bên trong cái giếng nhỏ là sung sướng, tự do nhất đời, mời con rùa biển đông vào giếng chơi cho biết. Con rùa không thể chui vừa cái giếng nhỏ, bèn nói cho ếch nghe về sự rộng lớn của biển đông. Con ếch nghe về biển bèn mới thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.  **b. Bố cục**  Ếch ngồi đáy giếng có bố cục gồm 2 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến “coi cho biết” : Cuộc sống của con ếch bên trong giếng sụp.  + Phần 2: Còn lại: Con rùa cho ếch biết về cuộc sống của mình ngoài biển đông.  **II. Phân tích truyện**  **1. Tình huống truyện**  - Con ếch ngồi trong giếng huênh hoang , tự đắc với rùa  +Tôi có thể ra khỏi miệng giếng, nhảy lên miệng giếng, nhảy vô  +Ngó lại phía sau, lăng quăng, con cua , con nòng nọc không con nào sướng bằng tôi  - Ếch cảm thấy sung sướng khi được ở một mình  - Khi nghe về biển cả qua lời nói của rùa ếch mới vỡ lẽ, xấu hổ  + mênh mông, ngàn dặm đã thấm gì,sâu thẳm ngàn nhẫn  + Chín năm lụt nước biển không lên  +  tám năm hạn hán bờ biển không lùi xa  →Khi chỉ ngồi đáy giếng ếch nghĩ nơi mình ở là nơi to lớn nhất, khoe khoang nhưng khi được rùa kể về biển cả mới biết nơi mình ở thật nhỏ bé  **2. Ý nghĩa và bài học rút ra**  - Đây là bài học cho những kẻ kiến thức hạn hẹp, nhưng lại thích ra oai , tự đắc  - Dạy cho con người ta rằng ở đời phải biết khiêm tốn, và không ngừng học hỏi trau dồi  **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Phê phán những kẻ thiếu hiểu biết nhưng mắc bệnh ảo tưởng, huênh hoang, tự đắc  - Bài học rút ra phải luôn trau dồi kiến thức, luôn khiêm tốn  **2. Giá trị nghệ thuật**  – Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống.  – Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  – Sử dụng ẩn dụ, nhân hóa, so sánh.  – Lời kể ngắn gọn nhưng thâm thúy.  – Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người. |
| **GV yêu cầu HS làm bài tập theo yêu cầu:** | **B. LUYỆN TẬP.**  **PHẦN ĐỌC HIỂU** |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**PHIẾU SỐ 1:**

**Câu 1: Văn bản Đẽo cay giữa đường thuộc loại truyện?**

A. Truyện truyền thuyết B. Truyện ngụ ngôn

C. Truyện cổ tích D. Truyện cười

**Câu 2: Phương thức biểu đạt của văn bản?**

A. Miêu tả B. Tự sự

C. Nghị luận D. Thuyết minh

**Câu 3: Câu chuyện được kể theo ngôi kể thứ mấy?**

A. Ngôi thứ nhất số ít B. Ngôi thứ 2

C. Ngôi thứ 3 D. Ngôi 1 và ngôi 3

**Câu 4: Điều gì xảy ra đối với người thợ mộc khi anh ta làm nghề đẽo cày?**

1. Mọi người đến xem rất đông
2. Không ai thích cày của anh ta.
3. Mỗi người đến lại khuyên một kiểu.
4. Anh ta bán được nhiều cày.

**Câu 5:** **Hành động của người thợ mộc mỗi khi nhận được lời khuyên của người qua đường.**

A. Khi người ta bảo đẽo cày nhỏ, anh đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp.

B. Khi người ta bảo đẽo cày to, anh đẽo cày vừa to, vừa cao.

C. Khi người ta bảo đẽo cày to gắp ba, anh ta liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ bình thường.

D. Thực hiện cả 3 nội dung trên

**Câu 6: Vì sao người thợ mộc không bán được cày?**

A. Người thợ mộc không bán được cày vì anh ta đã nghe theo lời khuyên của rất nhiều người nhưng không có chính kiến riêng của mình nên đã mất cả cơ nghiệp.

B. Vì cày của anh không đẹp

C. Vì cày của anh không đáp ứng được nhu cầu của nhà nông

D. Người thợ mộc không bán được cày vì cày của anh không cày được ruộng

**Câu 7: Ý nghĩa của câu chuyện**

A. Phê phán người không có chính kiến lập trường người thiếu kiên trì.

B. Phê phán những kẻ sống ỷ lại, dựa dẫm

C. Phê phán những kẻ coi thường người khác

D. Phê phán những kẻ hay khoe khoang

**Câu 8: Truyện Đẽo cày giữa đường khuyên em điều gì?**

1. Nghe và làm theo lời người khác.
2. Có quan điểm riêng của mình trước góp ý của người khác.
3. Chỉ làm theo ý mình, không nghe ý kiến người khác.
4. Không nên làm nghề đẽo cày.

**Câu 9: Người thợ mộc thay đổi cách đẽo cày theo lời góp ý của người qua đường để làm gì?**

1. Để đẽo được những chiếc cày đẹp hơn
2. Để bán được nhiều cày
3. Để mọi người tin tưởng
4. Để không làm phật ý những người qua đường.

**Câu 10: Qua câu chuyện, đối tượng mà thành ngữ “Đẽo cày giữa đường” muốn nói tới là:**

1. Những người biết lắng nghe ý kiến người khác.
2. Những người biết nhìn xa trông rộng
3. Những người không quan tâm đến góp ý của người khác, kiên định với quan điểm cá nhân mình.
4. Những người không có chủ kiến, ai bảo gì cũng làm theo đến nỗi mất cơ nghiệp

**PHIẾU SỐ 4: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường. Người qua, kẻ lại thường ghé vào xem anh ta đẽo bắp cày.*

*Một hôm, một ông cụ nói:*

*- Phải đẽo cho cao, cho to thì cày mới dễ.*

*Anh ta cho là phải, đẽo cái nào cũng vừa to, vừa cao.*

*Mấy hôm sau, một bác nông dân rẽ vào, nhìn đống cày, lắc đầu nói:*

*- Đẽo thế này thì cày sao được! Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cày.*

*Nghe cũng có lí, anh ta liền đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Nhưng hàng đầy ra ở cửa, chẳng ai mua. Chợt có người đến bảo:*

*- Ở miền núi, người ta vỡ hoang, toàn cày bằng voi cả. Anh mau đẽo cày to gấp đôi, gấp ba như thế này thì bao nhiêu bán cũng hết, tha hồ mà lãi.*

*Nghe nói được nhiều lãi, anh ta đem hết số gỗ của nhà còn lại đẽo toàn loại cày để cho voi cày. Nhưng ngày qua, tháng lại, chẳng thấy ai đến mua cày voi của anh ta cả. Thế là bao nhiêu gỗ anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá. Vốn liếng đi đời nhà ma. Khi anh ta biết cả tin là dại thì đã quá muộn!*

*(Đẽo cày giữa đường, theo Trương Chính Sgk Ngữ văn 6 tập I, NXBGD)*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại truyện gì?

**Câu 2**. Em hiểu thế nào là “cả tin”?

**Câu 3**. Tại sao vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma”?

**Câu 4**. Nếu là anh thợ mộc, em sẽ làm gì khi nghe những lời mách bảo như trong truyện? Bài học em rút ra từ truyện trên là gì?

**Câu 5**: Viết đoạn văn ngắn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về câu thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN :**

**Câu 1:** Văn bản thuộc thể loại: Truyện ngụ ngôn

**Câu 2:** Giải nghĩa từ “cả tin”: Là tin ngay một cách dễ dãi mà không cần suy xét

**Câu 3:** Vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma” là vì:

- Anh ta làm việc không có chủ kiến.

- Quá cả tin, không suy xét kĩ lưỡng những lời góp ý của người khác.

**Câu 4**: \* Nếu là anh thợi mộc khi nghe những lời mách bảo như trong truyện thì em có thể:

- Yên lặng lắng nghe, cảm ơn họ.

- Suy nghĩ, tìm hiểu kĩ hơn những mách bảo đó có đúng và phù hợp vời công việc của mình rồi mới làm theo; nếu chưa phù hợp thì cần chỉnh sửa...

\* Bài học rút ra từ truyện là:

- Khi làm việc phải có chủ kiến.

- Cần suy xét kĩ khi nghe ý kiến góp ý của người khác.

**Câu 5**: Đoạn văn đảm bảo dung lượng khoảng 5-7 câu.

Nêu được suy nghĩ về câu thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”: nội dung, ý nghĩa của câu thành ngữ; ý kiến của em tán đồng hay không tán đồng; giải thích vì sao em lại có suy nghĩ như vậy

* “Đẽo cày giữa đường”: chỉ người không có chính kiến, chỉ biết nghe và làm theo lời khuyên của người khác để rồi kết quả không ra gì.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc kỹ văn bản “Ếch ngồi đáy giếng” và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:** Tìm câu văn quan trọng nhất thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện.

**Câu 2:** Hoàn thành những thông tin của truyện “Ếch ngồi đáy giếng” vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật:………………………………** | **Nhận thức và cảm xúc của ếch: …………………………………………..** |
| **Môi trường sống:**  **………………………………………….** | **Nhận thức và cảm xúc của rùa:**  **…………………………………………..** |

**Câu 3:** Vì sao ếch “*thu mình lại, hoảng hốt, bối rối*” khi nghe rùa nói?

**Câu 4:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các ngữ liệu sau? Chúng có tác dụng gì?

*Một con ếch nhỏ, ngồi trong một cái giếng sụp nói với một con rùa lớn ở ngoài biển Đông.*

**Câu 5:** Hãy nêu bài học nhân sinh và ý nghĩa của bài học toát lên từ *truyện Ếch ngồi đáy giếng*. Bên cạnh thành ngữ Ếch ngồi đáy giếng, em còn biết thành ngữ nào khác có ý nghĩa tương tự?

**Câu 6:** Tìm một vài ví dụ trong học tập, sinh hoạt của em hoặc bạn bè chứng tỏ rằng đã có trường hợp các em từng nhận định , đánh giá sự vật, hiện tượng một cách sai lầm theo kiểu “Ếch ngồi đáy giếng”

**Câu 7.** Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của mình về tác hại của tính tự phụ.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:** Câu văn quan trọng thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện là : “Không vì thời gian ngắn hay dài mà thay đổi, không vì mưa nhiều hay ít mà tăng giảm, đó là cái vui lớn của biển Đông”.

**Câu 2**: Hoàn thành bảng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật:** ếch nhỏ, rùa lớn | **Nhận thức và cảm xúc của ếch:** Ếch rất vui vì cho rằng mình giỏi, mình to lớn, oai phong nhất xứ sở của mình, coi thường người khách |
| **Môi trường sống:** ếch sống ở giếng sụp, rùa sống ở biển Đông | **Nhận thức và cảm xúc của rùa:**  Rùa hiểu biết sâu sắc, bỉnh thản |

**Câu 3**: Vì ếch hiểu ra mình nông cạn và cảm thấy xấu hổ, ngại ngùng.

**Câu 4:** Biện pháp tương phản – đối lập: ếch nhỏ - rùa lớn, giếng sụp – biển Đông: nhận mạnh sự khác biệt giữa hai con vật (hai kiểu người), hai môi trường sống.

**Câu 5:** Bài học nhân sinh: Dù hoàn canh, môi trường sống hạn chế cũng không nên tự bằng lòng, ảo tưởng, ngộ nhận mà cần phải cố gắng học tập, trải nghiệm để hoàn thiện bản thân.

Bài học có ý nghĩa nhắc nhở chúng ra trong mọi hoàn cảnh đều cần phải biết mở rộng tầm nhìn, không nên tự thoả mãn, an phận, chủ quan. Bên cạnh thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng*, thành ngữ *Coi trời bằng vung* cũng có ý nghĩa tương tự.

**Câu 6:** Em tự tìm ví dụ.

**Câu 7:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

**-Mở đoạn: giới thiệu vấn đề: Tác hại của tính tự phụ**

**-Thân đoạn:**

**+Giải thích:** "Tự phụ": Kiêu căng, ảo tưởng về bản thân, xem mình luôn là nhất, là đúng, mà coi thường mọi người xung quanh.

**+Tác hại:**Thật sự rất tai hại cho một người tự phụ sống trong tập thể. Bản chất chẳng xem ai ra gì rất dễ bị ngưòi khác ghét bỏ, không mến trọng. Do tự xem mình là tài giỏi nên chẳng quan tâm gì đến cách làm của ngưòi khác, sẽ không học hỏi được những bài học quý báu, dẫn đến tầm nhìn hạn hẹp, rất khó để có thể phát triển và vươn ra xa hơn.

+**Dẫn chứng**: Có thể lấy luôn dẫn chứng trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng.*

**+Bài học:**Chúng ta cần phải biết tự tin để khẳng định mình, và phát triển thêm tư duy sáng tạo của mình, nhưng cũng không nên tự phụ, cần phải biết khiêm tốn học hỏi, những điều đó mới thực sự đem lại cho cuộc đời của chúng ta những điều có ý nghĩa và đem lại một cuộc sống hạnh phúc nhất cho mỗi người.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

*Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nọ. Xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể1.*  
*Một năm nọ, trời mưa to làm nước dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ra ngoài.*

*Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nới và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa mắt lên nhìn bấu trời, chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.*

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

\***Chú giải:**

(1)*Chúa tể (chủ tể):*Kẻ có quyền lực cao nhất, chi phối những kẻ khác.

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc loại truyện gì?

**Câu 2**. Khi sống dưới giếng ếch như thế nào? Khi lên bờ ếch như thế nào?

**Câu 3**. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản trên và nêu tác dụng của nó.

**Câu 4.** Theo em, câu chuyện liên quan đến thành ngữ dân gian nào? Hãy giải thích?

**Câu 5.** Câu chuyện trên để lại cho anh/ chị bài học gì?

**Câu 6**: So sánh những điểm giống và khác nhau giữa bản kể trên đây và bản kể của Trang Tử mà em đã được học. Em thích bản kể nào hơn? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc loại truyện ngụ ngôn.  
**Câu 2**. Khi sống dưới giếng, ếch thấy trời chỉ là cái vung con và mình oai như một vị chúa tể. Khi lên bờ, ếch nhâng nháo nhìn trời, chả thèm để ý đến xung quanh và bị trâu giẫm bẹp.  
**Câu 3.** Biện pháp ẩn dụ, tượng trưng: Ếch tượng trưng cho con người. Giếng, bầu trời tượng trưng cho môi trường sống và sự hiểu biết của con người.  
**Câu 4**. HS trả lời theo ý mình thành ngữ phù hợp với nội dung câu chuyện và giải thích hợp lí.

Gợi ý: Thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng" trước hết để chỉ "những người hiểu biết ít do điều kiện tiếp xúc hẹp". Sau nữa, lại từ thái độ nhâng nháo "coi trời bằng vung" của ếch mà thành ngữ này còn hàm ý nói về sự chủ quan, coi thường thực tế. Số phận của những người đó, nếu không giống như con ếch huênh hoang, hợm hĩnh nọ, thì chí ít, họ cũng phải trả bằng những thất bại chua xót khi tiếp xúc với thực tiễn phong phú và sinh động, mà khi hiểu ra thì sự đã rồi.

**Câu 5.** Câu chuyện trên để lại cho ta bài học về tính tự cao, tự đại và giá trị của sự hiểu biết. Tự cao, tự đại có thể làm hại bản thân. Sự hiểu biết của con người là hữu hạn, vì vậy điều quan trọng nhất trong cuộc sống là phải thường xuyên học hỏi và khiêm nhường.

**Câu 6**: Bản so sánh giữa hai bản kể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Bản kể của Trang Tử** | **Bản kể trên** |
| Nhân vật (chính, phụ) | ếch nhỏ - rùa lớn (2 nhân vật chính|) | ếch (các nhân vật còn lại đều là nhân vật phụ) |
| Sự việc | Qua cuộc trò truyện giữa ếch nhỏ - rùa lớn, ếch ngộ ra mình ảo tưởng, hiểu biết hạn hẹp,… tuy nhiên hậu quả vẫn còn kịp sửa chữa | Không kịp nhận ra sự hiểu biết hạn hẹp của mình thì bị châu giẫm bẹp, hậu quả kinh khủng hơn |

**PHIẾU SỐ 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THẦY BÓI XEM VOI**

*Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói1 ngồi nói chuyện gẫu2 với nhau.*

*Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi ngang qua voi đi qua, năm ông thầy bói chung nhau tiền biếu người quản voi3, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ đuôi.*

*Đoạn năm thầy ngồi bàn tán với nhau*

*Thầy sờ vòi của voi bảo:*

*- Ttưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó sun sun như con đỉa.*

*Thầy sờ ngà voi thì lại phán:*

*- Không phải! Nó chần chẫn như cái đòn càn4.*

*Thầy sờ tai bảo:*

*– Đâu có! Nó bè bè cái quạt thóc5*

*Thầy sờ chân voi cãi:*

*- Ai bảo! Nó sừng sững như cái cột đình.*

*Thầy sờ đuôi lại nói:*

*- Các thầy nói sai cả. Chính nó tua tủa6 như cái chổi sể7 cùn.*

*Năm ông, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành xa xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu.*

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

**\*Chú giải:**

(1) *Thầy bói:* người làm nghề đoán những việc lành dữ cho người khác (theo mê tín). Nhân vật thầy bói trong những câu chuyện dân gian thường bị mù.

(2) *Chuyện gẫu:* nói chuyện linh tinh cho qua thời gian.

*(3) Quản voi*: người trông nom và điều khiển voi.

*(4)Đòn càn*: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rợ,..mà gánh.

*(5) Quạt thóc:* loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.

*(6) Tua tủa*: từ gợi tả dáng chĩa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ

*(7) Chổi sể:* chổi quét sân, thường làm bằng nhánh cây thanh hao

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể loại của văn bản.

**Câu 2:** Năm ông thầy bói xem voi trong hoàn cảnh nào? Điểm đặc biệt của năm ông thầy bói trong văn bản.

**Câu 3:** Hãy nêu cách thầy bói xem voi và phán về voi. Thái độ của các thầy bói khi phán về voi như thế nào?

**Câu 4:** Năm thầy bói đều đã được sờ voi thật, mỗi thầy đã nói được một bộ phận của voi, nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

**Câu 5:** Truyện ngụ ngôn "Thầy bói xem voi" cho ta bài học gì?

**Câu 6:** Viết đoạn văn (7 -10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của anh chị về việc biết lắng nghe ý kiến của người khác.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

-Thể loại: Truyện ngụ ngôn

**Câu 2:**

- Hoàn cảnh: nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói góp tiền để thuê một con voi xem hình thù của nó ra sao?

- Đặc biệt của năm ông:

+ đều bị mù

+ đều muốn biết hình thù con voi.

**Câu 3:**

- Cách các thầy bói xem voi:  
  
 + Vì mù nên họ không thấy được cả con voi mà mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi nhưng họ đều tưởng đã biết tất cả về voi.  
  
 + Khi họ phán về những bộ phận của voi mà họ sờ được đều rất đúng, họ đã dùng lối so sánh ví von để diễn tả về bộ phận mà họ đã sờ được. Để tả về voi như cái chổi sể cùn, như con đỉa, như cái cột đình, như cái quạt thóc.  
  
 - Thái độ của các thầy khi phán về voi:  
  
 + Ai cũng quả quyết ý kiến của mình là đúng, không chấp nhận ý kiến của người khác.  
  
 + Tranh cãi quyết liệt, cuối cùng dẫn đến xô xát đánh nhau toác đầu, chảy máu.

**Câu 4:**

+ Sai lầm của các thầy bói là chỉ sờ thấy bộ phận mà không nhìn thấy toàn thể.  
  
+ Chủ quan trong việc nhận thức sự vật hiện tượng, tự cho là mình đúng, như vậy họ không chỉ mù mắt mà còn mù về phương pháp đánh giá, mù về sự nhận thức.

**Câu 5:**

+ Truyện giúp cho chúng ta bài học về cách nhìn nhận, đánh giá trong cuộc sống: Phải nhìn nhận sự việc ở phương diện tổng thể, chứ không nên lấy cái bộ phận, đơn lẻ thay cho toàn thể.  
  
+ Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, không nên bảo thủ, cố chấp cho mình là đúng.  
  
+ Muốn đánh giá một sự việc hiện tượng được chính xác cần phải có sự kết hợp nhiều yếu tố tai nghe, mắt thấy...

**Câu 6:** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

**- MĐ:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**- TĐ  
 + Giải thích:** ***Lắng nghe*** là quá trình tập trung tiếp nhận âm thanh một cách chủ động có chọn lọc, đi kèm với phân tích thông tin và đưa ra phản hồi thích hợp với những gì họ tiếp nhận.

**+ Ý nghĩa:**

.) Trong công việc: Lắng nghe giúp ta học hỏi kinh nghiệm, thấu hiểu tâm tư tình cảm, tính cách, sở thích, thói quen của đồng nghiệp, khách hàng, đối tác và những người xung quanh; đối với các nhà lãnh đạo, kỹ năng lắng nghe sẽ giúp họ thấu hiểu nhân viên của mình, tạo được sự gắn kết và tăng hiệu quả làm việc.

.) Trong cuộc sống: Lắng nghe giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp của bạn đối với những người xung quanh, xây dựng và phát triển quan hệ; lắng nghe giúp con người hiểu nhau để thân thiết, gắn bó và tin tưởng hơn.

+ Dẫn chứng về sự lắng nghe: Học sinh trong giờ học tập trung lắng nghe giáo viên giảng bài để hiểu bài và nắm vững kiến thức của bài giảng

(Học sinh tự lấy dẫn chứng từ đời sống thực tế hàng ngày hoặc trên sách báo...)

**+ Bài học nhận thức và hành động**: Trong cuộc sống, sự lắng nghe có vai trò rất quan trọng. Luôn biết lắng nghe và thấu hiểu đó là điều quan trọng trong cách hoàn thiện nhân cách cá nhân, xã hội, tạo nên những giá trị to lớn trong cuộc sống, văn hóa.

**- KĐ:** Khái quát, khẳng định lại vai trò ý nghĩa quan trọng của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THỎ VÀ RÙA**

*Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dằn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.*

*Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:*

* *Đừng có đùa! Bạn không biết là tôi có thể chyạ cả chục vòng quanh bạn hay sao.*

*Rùa mỉm cười:*

* *Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.*

*Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.*

*Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thù khác ở dọc đường cổ võ1.*

*Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện diễu2 chơi cho bõ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thiêm thiệp vừa lẩm bẩm:*

* *Ta cứ chợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống, ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!*

*Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.*

*Nó bò qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.*

*Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.*

(158 *Truyện ngụ ngôn Aesop*, Phan Như Huyên, 1995, <http://sites.google.com/sites/158truyenngungonaseop/131---150>)

\***Chú giải:**

(1)*cổ võ:* tác động, khích lệ tinh thần, làm cho hăng hái, phấn chấn và hoạt động tích cực hơn lên.

(2)*diễu:* chế nhạo, làm cho đối phương thấy hổ thẹn.

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản trên.

**Câu 2:** Đề tài của văn bản?

**Câu 3:** Xác định nhân vật, không gian, thời gian, tình huống truyện?

**Câu 4:** Em hãy lí giải vì sao con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy?

**Câu 5:** Câu chuyện trên đem đến cho chúng ta bài học gì?

**Câu 6:** Sau khi đọc truyện thỏ và rùa, một số bạn cho rằng, việc rùa thắng thỏ là khó xảy ra trong thực tế (nếu không phải vậy thì đã chẳng có câu: “chậm như rùa”). Các bạn khác lại cho rằng việc rùa thắng thỏ là xứng đáng và rất thuyết phục? Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?(Trả lời dưới hình thức đoạn văn 5-7 dòng)

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Ngôi kể: ngôi thứ ba.

**Câu 2:** Thất bại và sự kiêu ngạo, chủ quan.

**Câu 3:**

* Nhân vật: thỏ và rùa (loài vật)
* Không gian: Trong khu rừng, nơi có nhiều loài vật sinh sống.
* Thời gian: Ngày xưa (không xác định cụ thể)
* Tình huống truyện: Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ỷ mình chạy nhanh, xem thường đôí thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.
* Các yếu tố mang đặc điểm của truyện ngụ ngôn

**Câu 4:** Con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy vì:

+ Con rùa chăm chỉ, cần mẫn, tự tin, nhẫn nại nên dù chậm, mệt con rùa vẫn không dừng lại -> rùa về đích sớm hơn.

+ Con thỏ chạy nhanh nhưng kiêu ngạo, chủ quan, ỷ lại, trên đường đua còn mải ngủ nên đã thua cuộc.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ câu chuyện:

* Sự chăm chỉ, cần mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. Chậm mà chắc, tự biết sức mình còn hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo; cần phải biết người, biết ta.

**Câu 6:**

Gợi ý:

* Bình luận về hai ý kiến:

+ ý kiến thứ nhất: việc đồng nhất nhân vật thỏ, rùa trong truyện ngụ ngôn (thường được hư cấu, phóng đại,…) với hình ảnh thỏ, rùa ngoài đời thực là sai lầm

+việc cho rằng rùa thắng thỏ là “xứng đáng và rất thuyết phục” nhưng lại không nói rõ trong truyện ngụ ngôn *Thỏ và rùa* hay trong đời thực là không chặt chẽ; không đưa ra lí lẽ, bằng chứng nên chưa thuyết phục

* Kết luận của em có thể đưa ra theo hướng: Đồng tình với ý kiến thứ hai nhưng đưa ra thêm lí lẽ, bằng chứng và diễn đạt sao cho chặt chẽ hơn.

**PHIẾU SỐ 4: *Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:***

*"Một câu chuyện ngụ ngôn kể rằng có người đàn ông rất may mắn, ước gì được nấy. Tuy nhiên, đi kèm với sự may mắn đó là điều kiện: Bất cứ điều gì ông ta ước, người hàng xóm sẽ có gấp đôi. Người đàn ông chấp nhận, bởi lẽ mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó.*

*Thế là khi ông ta sở hữu ngôi nhà đẹp, người hàng xóm liền có một dinh thự lỗng lẫy. Ông ta ước mình giàu có, người hàng xóm có hẳn một mỏ vàng...Không chịu được sự "bất công" đó, người đàn ông may mắn liền ước mình bị mù một mắt để người hàng xóm bị mù cả hai...*

Chính lòng đố kị đã tạo nên sự nhỏ nhen, biến thành cảm giác hận thù và suy nghĩ mù quáng cho ông ta: thà kém may mắn hơn một chút để người khác đau khổ hơn mình thay vì chọn điều ngược lại.

Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ".

(Trích: *Về những câu chuyện ngụ ngôn*, nguồn Internet)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn in nghiêng.

**Câu 2.** Tại sao tác giả ngụ ngôn lại cho rằng "mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó"?

**Câu 3:** Trong đoạn văn in nghiêng người đàn ông ước những gì? Kết quả ra sao? Em có suy nghĩ gì về ước mơ cuối cùng của người đàn ông trong câu chuyện

**Câu 4:** Theo anh/ chị, vì sao lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục?

**Câu 5:** Việc trích dẫn đoạn văn in nghiêng có tác dụng gì trong lập luận của ngữ liệu trên?

**Câu 6.** Anh/ chị rút ra thông điệp gì tâm đắc nhất từ đoạn ngữ liệu trên? Vì sao?

**Câu 7:** Viết đoạn văn (7-10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến “*Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ.”*

***Gợi ý***

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn in nghiêng: Tự sự

**Câu 2.** Tác giả ngụ ngôn cho rằng: mọi ước mơ được toại nguyện luôn phải đi kèm theo những điều kiện nào đó. Bởi vì nó như một quy luật tất yếu: Thành công hay một ước mơ nào đó được toại nguyện trong cuộc sống không phải tự nhiên mà có. Nó phải gắn liền với những điều kiện như tinh thần, nghị lực, niềm tin, mất mát, lòng vị tha, bao dung....

**Câu 3**: Người đàn ông ước và kết quả:

*+ Sở hữu ngôi nhà đẹp -> kết quả ông ta có nhà đẹp và người hàng xóm liền có một dinh thự lỗng lẫy.*

*+ Ước mình giàu có -> kết quả ông ta giàu có và người hàng xóm có hẳn một mỏ vàng...*

*+Ước mình bị mù một mắt -> kết quả ông ta bị mù mộ mắt và người hàng xóm bị mù cả hai...*

=> Ước mơ cuối cùng của người đàn ông trong câu chuyện thể hiện thói đố kị, thà chọn điều mang lại hậu quả xấu cho bản thân để người khác đau khổ hơn mình còn hơn chọn những điều mang lại sự tốt đẹp cho mình và mọi người, không chấp nhận người khác hơn mình.

**Câu 4**. Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục bởi vì nó gây nên nhiều tác hại như:

- Khiến bản thân kẻ đố kị phải sống trong dằn vặt, đau đớn, thậm chí sa vào tội ác.

- Kìm hãm sự phát triển của xã hội và sự tiến bộ của nhân loại...

**Câu 5:** Việc trích dẫn đoạn văn in nghiêng có tác dụng:

- Làm dẫn chứng để cho lập luận thuyết phục, chặt chẽ hơn.

- Làm cho đoạn văn nghị luận không khô khan mà giàu hình ảnh, sinh động hơn.

**Câu 6:**

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**\* Nội dung:**

**- Giải thích:** Cao thượng có nghĩa là *"vượt lên trên những điều tầm thường, có tư cách và đạo đức hơn người"* (Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Giáo sư Nguyễn Lân). Cao thượng là lối sống đẹp và rất cần thiết trong ứng xử giữa con người với con người.

**- Bình luận, chứng minh:**

* Người có tâm hồn cao thượng là người có đức hi sinh, có đạo đức, có ý chí, lòng quả cảm, sống trung thực, luôn muốn mọi thứ tốt đẹp, có cái nhìn lạc quan, có tấm lòng vị tha, khoan dung, độ lượng, cao cả, đoàn kết, biết chia sẻ lúc khó khăn, hoạn nạn, biết chịu trách nhiệm, biết phấn đấu, vì cộng đồng, sẵn sàng bảo vệ lẽ phải...
* Người có tâm hồn cao thượng sẽ không bao giờ cô đơn vì chân lí luôn đứng về phía họ. Họ có thể chịu thiệt thòi, bị hiểu lầm..., nhưng họ luôn có niềm tin vào con người, vào cuộc sống và vào những điều tốt đẹp nhất. Họ luôn là tấm gương sáng cho mọi thế hệ noi theo, trân trọng và ca ngợi...
* Sống có tình cảm cao thượng sẽ tạo nên sức mạnh làm thay đổi bộ mặt xã hội, tất cả đều hướng thiện, hướng về chân lí, lẽ phải, cái tốt, cái đẹp; làm cho cái xấu, cái ác không có chỗ nương thân...
* Phê phán những người có lối sống ích kỉ, giả dối, lọc lừa, đố kị, vô ơn, vô đạo đức...

**- Bài học nhận thức và hành động:**

* Tình cảm cao thượng là một lối sống đẹp cần được trân trọng, ngợi ca và phát huy.
* Con người hãy sống cao thượng từ những suy nghĩ, hành động nhỏ nhất trong cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Chuẩn bị bài buổi học ôn tập VB: *Con mối và con kiến.*

- Tìm đọc các truyện ngụ ngôn: *Hai người bạn đồng hành và con gấu, Chó sói và chiên con, Chuyện bó đũa, Chú rùa thông minh và Chân, tay, tai, mắt, miệng.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**VĂN BẢN *CON MỐI VÀ CON KIẾN***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **I. Tác giả tác phẩm**  - Nam Hương (1899 - 1960) quê ở Hà Nội  - Ông sáng tác nhiều thơ ngụ ngôn, được in trong các tập Gương thế sự (1920), Ngụ ngôn mới (1935), Thơ ngụ ngôn (1937)…  - Ngoài ra ông còn có những tập thơ thiếu nhi được xuất bản như Bài hát trẻ con (1936) hoặc thỉnh thoảng có cho in đôi bài thơ trên báo Cậu ấm.  **- Thể loại:** Thể loại thơ ngụ ngôn  **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**  - Tác phẩm Con mối và con kiến được trích trong Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III do Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thương biên soạn và tuyển chọn. Xuất bản tại NXB Giáo dục năm 1999, tr. 805.  **Phương thức biểu đạt:** Văn bản Con mối và con kiến có phương thức biểu đạt là tự sự kết hợp với biểu cảm  **+ Tóm tắt:** Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.  **+ Bố cục bài Con mối và con kiến:**  Con mối và con kiến có bố cục gồm hai phần:  +2 khổ thơ đầu: Lời của con mối  +3 khổ thơ sau: Lời của con kiến **II. Tìm hiểu chi tiết tác phẩm** **1. Thái độ của mối về lối sống của kiến**  - Hoàn cảnh sống: bàn tròn, ghế chéo, nhà cao cửa rộng đầy đủ tiện nghi à sung sướng, no đủ.  - Thái độ: chê bai đàn kiếm làm lụng cả ngày mà chẳng khấm khá lên được, thỏa mãn với hoàn cảnh sống của mình; ích kỷ, không sống vì cộng đồng  - Dự báo tương lai: cuộc đời ngắn hạn, dễ thất bại.  **2. Hoàn cảnh sống của con kiến**  - Hoàn cảnh sống: khó khăn, cực nhọc.  - Thái độ: không đồng tình trước lời nói của mối, thẳng thắn đưa ra quan điểm cá nhân; vẫn tiếp tục cần mẫn với công việc; luôn cống hiến vì cộng đồng.  **3. Bài học và ý nghĩa**  - Lối sống thụ động, nhàn hạ, lười biếng sẽ triệt tiêu cuộc sống của chúng ta.  - Hãy luôn cần cù, chăm chỉ để có một cuộc sống tốt hơn.  **4. Đánh giá**  **+ Giá trị nội dung:**  Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.  **+ Giá trị nghệ thuật:**  - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  - Sử dụng nhân hóa.  - Lời thơ ngắn gọn nhưng thâm thúy.  - Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người. |
| \***\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu bài thơ.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**DẠNG 1 : TRẮC NGHIỆM**

**PHIẾU SỐ 1: Đọc kĩ bài thơ *Con mối và con kiến* và chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1. Nhà văn Nam Hương quê ở đâu?**

A. Phú Thọ B. Nam Định. C. Thanh Hoá D. Hà Nội

**Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ?**

A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

**Câu 3: Văn bản con mối và con kiến thuộc thể loại gì?**

A. Thơ B. Truyện ngắn. C. Thơ ngụ ngôn D. Thơ tự do

**Câu 4.** **Quan niệm sống của mối biểu hiện như thế nào?**

A. Tích cực chăm chỉ lao động

**B. Không muốn lao động, sợ vất vả**

**C. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng**

**D. Cả ba nội dung trên đều đúng**

**Câu 5. Biểu hiện sống của kiến như thế nào?**

**A. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng**

B. **Vì nhận thức Sinh tồn là cuộc khó khăn nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững.**

**C. Quan tâm đến muôn loài trên địa cầu**

**D. Tất cả ba đáp án trên**

**Câu 6. Văn bản đề cập đến nội dung nào?**

**A. Phê phán những hạng người lười lao động trong xã hội**

**B. Phê phán những hạng người chỉ biết ăn chơi hưởng thụ**

**C.** Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay.

D. Phê phán những con người hay khoe không có chính kiến

**Câu 7: Cuộc đối thoại giữa mối và kiến giúp em hiểu điều gì?**

1. Sống là phải biết lựa chọn sao cho an nhàn mà vẫn sung sướng.
2. Miễn sao cuộc sống no đủ, an nhàn, có phá hoại cũng không sao.
3. Phải làm việc chăm chỉ và có trách nhiệm với cộng đồng.
4. Cuộc sống không bao giờ dễ dàng, phải làm việc chăm chỉ và có trách nhiệm

**Câu 8: Điểm chung giữa ba truyện ngụ ngôn: Đẽo cày giữa đường, Ếch ngồi đáy giếng, Con mối và con kiến là gì?**

1. Đều thông qua con vật được nhân hóa để nói về con người.
2. Đều thông qua câu chuyện của nhân vật để nêu bài học, quan điểm, thái đố sống.
3. Đều được kể bằng hình thức văn xuôi, đều được kể bằng một tác giả.
4. Đều có tính hài hước, giễu cợt thói hư tật xấu của con người.

**PHIẾU SỐ 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Con mối trong nhà trông ra*

*Thấy một đàn kiến đang tha cái mồi*

*Mối gọi bảo: “ kiến ơi các chú*

*Tội tình gì lao khổ lắm thay!*

*Làm ăn tìm kiếm khắp ngày*

*Mà sao than thể vẫn gầy thế kia*

*Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc*

*Mà ồ ề béo trục béo tròn*

*Ở ăn ghế chéo bàn tròn*

*Nhà cao cửa rộng, cửa nhà thiếu đâu?”*

*Kiến rằng: “Trên địa cầu muôn loại*

*Hễ có làm thì mới có ăn*

*Sinh tồn là cuộc khó khăn*

*Vì đàn vì tổ nên thân gầy gò.*

*Các anh chẳng vun thu xứ sở*

*Cứ đục vào chỗ mà còn xơi*

*Đục cho rỗng hết mọi nơi*

*Nhà kia đổ xuống đi đời các anh”*

*(Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III, Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thưởng biên soạn và tuyển chọn, NXB Giáo dục, 1999, tr.805)*

**Câu 1**. Xác định thể loại của ngữ liệu trên?

**Câu 2.** Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ như thế nào qua các lời thoại của chúng?

Câu 3: Hình thức kể chuyện trong *Con mối và con kiến* có gì khac so với hai truyện *Đẽo cày giữa đường* và *Ếch ngồi đáy giếng*?

**Câu 3**. Theo em thiện cảm của người kể chuyện dành cho Kiến hay cho Mối? Vì sao?

**Câu 4.** Câu chuyện nói về những người như nào trong xã hội? Qua đó tác giả muốn nói lên điều gì?

**Câu 5**. Viết một đoạn văn (khoảng 7-8 câu) ghi lại những suy ngẫm của em về bài học từ văn bản *Con mối và con kiến.*

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thể loại Thơ ngụ ngôn

**Câu 2:**

Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ qua các lời thoại của chúng:

- Mối: hưởng thụ, không cần làm cũng có ăn, đi đục khoét những thứ sẵn có.

- Kiến: có làm thì mới có ăn, nếu chỉ đục khoét thì rồi cũng hết của cải mà chết.

Câu 3: Hai truyện Đẽo cày giữa đường, Ếch ngồi đáy giếng được kể bằng văn xuôi, trong khi Con mối và con kiến được kể bằng thơ theo thể song thất lục bát (hay câu bảy chữ nối tiếp hai câu lục bát). Ngụ ngôn được viết bằng thơ xuất hiện muộn hơn, dễ nhớ và dễ thuộc hơn, phù hợp với đối tượng độc giả nhỏ tuổi.

**Câu 3.**Thiện cảm của người kể chuyện được dành cho kiến.

- Biểu hiện qua việc miêu tả mối như một kẻ vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ cho “béo trục béo tròn”, còn kiến tuy gầy gò vất vả nhưng luôn chăm chỉ, cố gắng biết sống vì người người khác, biết lo cho cái chung, biết hướng tới tương lai vững bền, …

**Câu 4.** Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.

**Câu 5. -** Bài học rút ra**:** Lối sống thụ động, nhàn hạ, lười biếng sẽ triệt tiêu cuộc sống của chúng ta. Hãy luôn cần cù, chăm chỉ để có một cuộc sống tốt hơn.

**Đoạn văn tham khảo:**

Bài thơ ngụ ngôn mượn câu chuyện của mối và kiến để nói lên sự đối lập giữa lối sống của nhiều người trong xã hội. Con mối với lối sống chỉ muốn đục rỗng tủ hòm, ngồi yên một chỗ đại diện cho những người không muốn lap động, sợ vất vả, chỉ muốn hưởng thụ trước mắt. Những chú kiến sẵn sàng làm việc, dù vất vả nhưng luôn chủ động lo xa, vì đàn tổ đại diện cho những người không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, trách nhiệm với cộng đồng, sống vì mọi người. Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.

**LUYỆN TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**PHIẾU SỐ 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

***Hai người bạn đồng hành và con gấu***

*Có hai người bạn đương1 đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ. Tình cờ, người đi trước túm được một cành cây và ẩn mình trong đám lá. Người kia không biết trông cậy vào đâu, đành nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát. Gấu đến gần dí mõm vào tai người này ngửi, ngửi mãi,… Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết. Bấy giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, cười và nói rằng: “Ông Gấu thì thầm gì với cậu điều gì đó?”*

*“Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”*

(In trong *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp,* Phạm Khải Hoàn dịch, NXB Văn học, 2013)

**\*Chú giải:**

*(1)Đương:* đang

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 2:** Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản.

**Câu 3:** Xác định tình huống hiểm nghèo trong văn bản? Tình huống đó có tác dụng gì trong việc bộc lộ tính cách nhân vật?

**Câu 4:** Em hiểu thế nào về lời khuyên: *“Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”*

**Câu 5:** Bài học rút ta từ văn bản trên.

**Câu 6:** Em hãy viết đoạn văn nghị luận (độ dài khoảng 7-10 dòng) trình bày quan niệm về một người bạn tốt.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Những nhân vật xuất hiện trong văn bản: Hai người bạn và con gấu

**Câu 3: Tình huống hiểm nghèo: Con gấu nhảy ra vồ khi hai người bạn đang đi trong rừng**

* Tình huống truyện làm bộc lộ hành động “bỏ bê” bạn bè trong cơn hoạn nạn của một trong hai nhân vật. Từ đó bộc lộ bản chất không tốt của nhân vật đó trong tình bạn này.
* Tình huống làm cho bài học của câu chuyện trở nên rõ ràng, thấm thía hơn.

**Câu 4:** - Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người không quan tâm đến sự an nguy của ta trong lúc khó khăn, hoạn nạn.

* Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người chỉ biết đến sự an toàn, lợi ích của bản thân mình.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ văn bản:

* Trước tình huống cụ thể, cần nhận diện được bạn tốt, bạn chưa tốt.
* Cách ứng xử thông minh trước các tình huống nguy hiểm.

**Câu 6:**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

* Giải thích thế nào là người bạn tốt, tình bạn tốt.
* Biểu hiện của người bạn tốt, tình bạn tốt.
* Vai trò của ngươi bạn tốt, tình bạn tốt.
* Phê phán những người không coi trọng tình bạn, bỏ mặc bạn bè trong lúc khó khăn.
* Bài học nhận thức và hành động.

**PHIẾU SỐ 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Chó sói1 và chiên con2**  
  
*Kẻ mạnh, cái lẽ vốn già,  
Chuyện này tức khắc giải ra rõ ràng  
  
Dòng suối trong, Chiên đang giải khát  
Dạ trống không, Sói chợt đến nơi  
Đói, đi lảng vảng kiếm mồi  
Thấy Chiên, động dại bời bời thét vang:  
Sao mày dám cả gan vục mõm  
Làm đục ngầu nước uống của ta?  
Tội mày phải trị không tha!  
Chiên con sửng sốt thưa qua mấy lời:  
Xin bệ hạ hãy nguôi cơn giận  
Xét lại cho tường tận kẻo mà...  
Nơi tôi uống nước quả là  
Hơn hai chục bước cách xa nơi này  
Chẳng lẽ kẻ hèn này có thể  
Khuấy nước ngài uống phía nguồn trên  
Con quái ác lại gầm lên:*

*Chính mày khuấy nước! Ai quên đâu là  
Mày có nói xấu ta năm ngoái...  
Nói xấu ngài? Tôi nói xấu ai?  
Khi tôi còn chửa ra đời?  
Hiện tôi đang bú mẹ tôi rành rành  
Không phải mày thì anh mày đó  
Quả thật tôi chẳng có anh em  
Thế thì một mống nhà chiên  
Quân bay có đứa nào kiềng sói đâu!  
Chiên, chó, người, cùng nhau một thói  
Họ mách ta, ta phải báo cừu!  
  
Dứt lời, tha tận rừng sâu  
Sói nhai Chiên nhỏ, chẳng cầu đôi co.*

(In trong *Ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten*, truyện *Chó sói và chiên* con, Tú Mỡ dịch, NXB Văn học, 1985)

\***Chú giải:**

*(1) Chó sói:* chó rừng mõm nhọn, đuôi rậm, chuyên bắt thú khác để ăn thịt.

*(2) Chiên con:* cừu non

\***Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể trong văn bản**.**

**Câu 2:** Chỉ ra những nhân vật xuất hiện trong văn bản.

**Câu 3:** Xác định tình huống trong truyện. Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?

**Câu 4:** Qua cuộc đối thoại giữa chó sói và chiên con, em có nhận xét gì về hai nhân vật này?

**Câu 5:** Văn bản gửi gắm đến cho chúng ta bài học gì?

**Câu 6:** Em hãy viết đoạn văn (4-5 câu) nêu cảm nhận của mình về câu chuyện *Chó sói và chiên con.*

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

* Ngôi kể: Ngôi thứ ba

**Câu 2:** Nhân vật: chó sói và chiên con => loài vật.

**Câu 3:** Tình huống truyện:*Một con sói đang đói bụng, lại gặp chiên con đang ra suối uống nước bèn bịa ra đủ các lí do để ăn thịt chiên => bộc lộ lối “lí sự cùn” và sự tàn ác của kẻ mạnh*

Tình huống thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật chó sói.

**Câu 4:**

* Chó sói: hiện thân cho kẻ mạnh, kẻ bạo tàn, để thoả mãn nhu cầu (cơn đói) của mình, sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt, giết hại kẻ yếu. Trong trường hợp này nói chân lí thuộc về kẻ mạnh hay “kẻ mạnh cái lẽ vốn già” thực ra để nói sẽ không có lẽ phải, đạo lí nào cả.
* Chiên con: hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vùi dập, hãm hại

=>Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho các aác hoành hành.

**Câu 5:** Hãy coi chừng, “kẻ mạnh” thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công.

=> khi gặp những kẻ mạnh đó nên cân nhắc và thận trọng lựa chọn cách ứng xử.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:**  Cảm nhận về nội dung, nghệ thuật, thông điệp của tác phẩm.

Tham khảo: Truyện Chó sói và chiên con được viết dưới dạng thơ, các câu ngắn gọn, dễ hiểu và dễ nhớ. Qua câu chuyện, chúng ta thấy được sự độc ác, hung hăng của con sói. Hình ảnh con sói tượng trưng cho những kẻ xấu trong xã hội, ý mạnh hiếp yếu để thỏa mãn lợi ích cá nhân. Đồng thời bạn đọc thương cảm sâu sắc với chú chiên con nhút nhát, yếu đuối đã bị sói ăn thịt. Câu chuyện đáng nhớ trên đã đem lại cho người đọc bài học đáng quý về thói xấu trong xã hội.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Chuyện bó đũa**

*Ngày xưa, có ông lão nông dân nọ rất thông minh. Ông rất buồn vì thấy trong gia đình, các con ông hay cãi cọ với nhau. Ông cố khuyên nhủ, nhưng vô ích.*

*Một hôm, nằm trên giường bệnh, ông gọi các con lại. Ông buộc đũa thành một bó, để trước mặt con. Sau đó, ông truyền cho mỗi đứa đến bẻ bó đũa làm đôi, nhưng không đứa nào bẻ nổi. Cuối cùng, ông cởi bó đũa ra, đưa cho mỗi đứa một chiếc. Ai nấy bẻ gẫy dễ dàng.*

*Mấy đứa con nhìn nhau, không biết người cha có ý nói gì. Ông già nghiêm nghị bảo:*

* *Các con yêu dấu! Bây giờ các con còn đoàn kết như bó đũa này thì không kẻ thù nào làm hại được các con. Nhưng nếu các con cứ chia rẽ và cãi vã, thì các con sẽ sớm bị tiêu diệt1.*

(158 Truyện ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyên, 1995, <http://sites.google.com/sites/158truyenngungonaseop/131---150>)

\***Chú giải:**

*(1) tiêu diệt*: làm cho chết hoặc mất khả năng hoạt động.

\***Câu hỏi:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

**Câu 2**. Xác định nội dung của văn bản.

**Câu 3**. Xác định tình huống trong truyện. Tình huống ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?

**Câu 4.** Bài học rút ra từ văn bản?

**Câu 5.** Em có suy nghĩ gì về hình ảnh người cha trong câu chuyện trên ?

**Câu 6**.Viết đoạn văn ngắn (7-10 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về ý nghĩa của tinh thần đoàn kết.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1: -** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

**Câu 2:** Nội dung của văn bản: Qua câu chuyện về bó đũa, người cha muốn khuyên nhủ các con của mình về sự đoàn kết.

**Câu 3:** Tình huống truyện: Người cha đưa cho các con cả bó đũa yêu cầu bẻ làm đôi, không ai có thể bẻ gãy; sau lại đưa cho các con từng chiếc đũa riêng lẻ để họ bẻ gãy dễ dàng. Từ chuyện bó đũa, ông khuyên các con đoàn kết, thương yêu để không bao giờ bị tiêu diệt.

* Tác dụng: + Thể hiện sự từng trải, khôn khéo của người cha trong việc mượn sự yêu ớt của chiếc đũa và sức mạnh của bó đũa đề khuyên dạy con.

+ Thể hiện bài học một cách giản dị, thuyết phục về sức mạnh đoàn kết từ “chuyện bó đũa”.

**Câu 4:** Bài học rút ra từ văn bản:

* Đoàn kết làm nên sức mạnh.
* Sự tương trợ nhau làm nên chỗ dựa vững vàng cho mọi thành viên trong gia đình

**Câu 5:**

Người cha trong câu chuyện là người từng trải, hiểu và yêu thương con, khi thấy các con mình mất đoàn kết, ông lo lắng bèn tìm ra cách lấy bó đũa để ngụ ý khuyên các con mình phải biết yêu thương nhau. Qua đó ta cũng thấy được người cha là biểu tượng của con người truyền thống của Việt Nam, yêu thương con, biết đoàn kết, giữ gìn bản sắc dân tộc và nhưng truyền thống tốt đẹp: cần cù, đoàn kết, thương người như thể thương thân,...

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**\* Nội dung:**

**- Giải thích**

+ Đoàn kết là tập hợp của nhiều lực lượng khác nhau tạo thành một khối vững chãi, từ đó thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ riêng để đi đến thành công. Sự đoàn kết chính là tập thể vững mạnh, khối thống nhất sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

+ ***Tinh thần đoàn kết*** là sự gắn kết, sự liên kết bền chặt giữa các cá nhân trong một tập thể để trải qua hoặc hoàn thành những giai đoạn khác nhau của cuộc sống.

* **Ý nghĩa, sức mạnh của tinh thần đoàn kết**

+ Đoàn kết không chỉ là tập hợp lực lượng thành một khối thống nhất mà phải thống nhất về tư tưởng, hành động, mục tiêu cụ thể.

+ Đoàn kết là các thành viên phải tương trợ, giúp sức lẫn nhau cùng nhau giải quyết các khó khăn, thử thách để đi đến thành công.

+ Đoàn kết là sức mạnh to lớn, chất keo gắn kết còn người tạo nên sức mạnh vượt trội.

+ Tinh thần đoàn kết giúp cho con người cảm thấy bản thân mình không bị lạc lõng, luôn có động lực để phấn đấu tới những điều tốt đẹp hơn.

+ Tinh thần đoàn kết giống như một tấm lá chắn lớn giúp con người vững bước vượt qua những khó khăn, thách thức trong cuộc sống.

**- Bài học nhận thức và hành động**

+ Làm sao có được sự đoàn kết ?

+ Lên án người không có sự đoàn kết:

**PHIẾU SỐ 4: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**CHÚ RÙA THÔNG MINH**

*Ngày xưa, ở trên núi Ba Vì có một con hổ rất hung dữ. Mỗi khi bắt được một con vật nào đó thường đùa giỡn làm cho con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt. Một hôm, Hổ đang lang thang đi tìm mồi thì nhìn thấy một con Rùa bé nhỏ. Hổ cong đuôi nhảy tới bên cạnh, giơ chân vờn mai Rùa và cất tiếng ồm ồm chế giễu:*

* *Hỡi chú Rùa bé nhỏ, thân hình chú chưa bằng nửa bàn chân của ta, mà cái vỏ chú lại nặng nề thế này thì còn làm ăn gì được. Chú để ta lột cái vỏ này đi cho nhé!*

*Rùa gặp Hổ thì rất sợ hãi, nhưng khi thấy Hổ không ăn thịt mình liền bình tĩnh và nghĩ ra một kế để lừa hổ. Rùa trả lời rằng:*

* *Bác Hổ ạ, tôi tuy bé nhỏ nhưng trong rừng này tôi đều có thể bắt cả các loài thú vật to lớn hơn tôi để ăn thịt đấy.*

*Nghe Rùa nói vậy, Hổ lấy làm lạ, liền hỏi lại:*

* *Này, chú đừng nói láo thế. Nếu chú đã ăn thịt được con nào lớn hơn chú thì cũng phải có gì làm bằng chứng chứ.*

*Rùa ta khạc ngay trong miệng ra một miếng mộc nhĩ mà Rùa thường ăn rồi nói với Hổ:*

* *Bác hãy xem, đây là gan con Voi tôi vừa ăn sáng nay đấy. Tôi bắt được con vật nào cũng chỉ có lá gan là đủ no, chứ không như bác phải ăn cả xương lẫn thịt nhé.*

*Con Hổ chưa ăn mộc nhĩ bao giờ nên tưởng là gan Voi thật, nó hoảng quá, sợ Rùa cũng sẽ bắt nó ăn gan, liền cong đuôi chạy mất.*

(*Hổ và các con vật nhỏ bé*, Truyện ngụ ngôn Việt Nam, trong Thegioicotich.vn)

**Câu 1:** Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản.

**Câu 2:** Xác định đề tài, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.

**Câu 3:** Mỗi khi gặp con vật nào đó, Hổ thường làm gì?

**Câu 4:** Khi gặp con vật hung dữ như Hổ, Rùa đã thoát nạn bằng cách nào? Qua đó, em có nhận xét gì về Rùa.

**Câu 5:** Cùng là cuộc đối đầu giữa kẻ yếu và kẻ mạnh, Rùa và hổ trong truyện ngụ ngôn Việt Nam trên khác gì so với Chiên con và Cáo trong truyện ngụ ngôn La Phông – ten mà em đã học?

**Câu 6:** Viết đoạn văn ngắn (3-5 câu) để trả lời cho câu hỏi: *Cần làm gì khi đối đầu với kẻ mạnh*

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:**

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2:**

* Đề tài: Kẻ mạnh và kẻ yếu – ai là người chiến thắng
* Nhân vật: Hổ và rùa
* Không gian: núi Ba Vì
* Thời gian: Ngày xưa, một hôm

**Câu 3:** Mỗi khi gặp con vật nào đó, Hổ thường đùa giỡn, làm con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt.

**Câu 4:** Khi gặp con vật hung dữ như Hổ, Rùa sợ hãi nhưng vẫn bình tĩnh tìm cách đối phó. Rùa nói với Hổ mình có thể bắt tất cả các con thú to lớn để ăn thịt, sau đó khạc miếng mộc nhĩ trong mồm ra và nói đó là gan con Voi mà Rùa đã ăn thịt để làm bằng chứng.

* Rùa bình tĩnh, thông minh đối phó với kẻ mạnh hơn mình.

**Câu 5:** - Rùa trong truyện Chú Rùa thông minh bình tĩnh làm chủ tình thế, gợi cuộc đối thoại theo ý của mình. Con Hổ hung dữ nhưng khi nghe lời Rùa nói tưởng thật nên sợ hãi bỏ đi.

* Chiên con trong truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con (Truyện ngụ ngôn Ê-dốp)* cũng bình tĩnh đối đáp lại câu hỏi của Sói nhưng Sói lí sự cùn, không nghe lời của chiên con, tìm mọi cách buộc tội và ăn thịt chiên con.

**Câu 6:**

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:** Có thể theo một vài ý:

* Bình tĩnh khi phải đối đầu với những nguy hiểm rình rập.
* Khéo léo xử lí, làm chủ câu chuyện của chính mình.
* Tránh xa những nguy hiểm nếu như có thời cơ…

**PHIẾU SỐ 5: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

*1.Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô Mắt đến than thở với cậu Chân, cậu Tay rằng:*

*– Bác Tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không.*

*Cậu Chân, cậu Tay cũng nói:*

*– Phải đấy, chúng ta phải đi nói cho lão Miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi. Nay đã đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng kéo nhau đến lão Miệng. Đi qua nhà bác Tai, họ thấy bác ta đang ngồi im lặng như nghe ngóng điều gì. Cả ba cùng chạy vào cùng nói:*

*– Bác tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão Miệng không? Chúng cháu đến nói cho lão biết từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.*

*Bác Tai gật đầu lia lịa:*

*– Phải, phải… Bác sẽ đi với các cháu!*

*Bốn người hăm hở1 đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ không chào hỏi gì cả. Cậu Chân, cậu Tay nói thẳng luôn với lão:*

*– Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết: từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.*

*Lão Miệng nghe nói, rất lấy làm ngạc nhiên. Lão nói:*

*– Có chuyện gì muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đã. Làm gì mà nóng nảy thế?*

*Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay đều lắc đầu mà rằng:*

*– Không, không phải bàn bạc gì nữa. Từ nay trở đi, ông phải lo lấy mà sống. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm gì cả. Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi ngon lành mà làm cho cực!*

*Nói rồi cả bọn kéo nhau về.*

*2. Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu Chân, cậu Tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa; cô Mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ2, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác Tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lừ đừ3 mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn.*

*3. Bác Tai nói với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay:*

*– Chúng ta lầm rồi các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão Miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tê liệt tất cả. Lão Miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải ăn không ngồi rồi4. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khỏe khoắn được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không?*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cố gượng dậy đi theo bác Tai đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ thấy lão Miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác Tai, cô Mắt vực lão Miệng dậy. Còn cậu Chân, cậu Tay thì đi tìm thức ăn. Lão Miệng ăn xong dần dần tỉnh lại. Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái5 như trước. Từ đó*[*lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay*](https://truyendangian.com/chan-tay-tai-mat-mieng/)*lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị6 ai cả.*

(In trong *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, Truyện cười-Truyện trạng cười – Truyện ngụ ngôn,* Phan Trọng Thưởng, Nguyễn Cừ (biên soạn, tuyển chọn), NXB Giáo dục, 2007)

**\*Chú giải:**

*(1)Hăm hở:* Dáng bộ hăng hái, muốn thực hiện ngay ý định.

1. *Lờ đờ:* chậm chạp, thiếu tinh nhanh
2. *Lừ đừ:* chậm chạp, mệt mỏi.
3. *Ăn không ngồi rồi:* chỉ ăn, không làm, sống hưởng thụ mà không lao động
4. *Khoan khoái:* cảm giác dễ chịu, thoải mái.
5. *Tị:* so bì, thiệt hơn

**\*Câu hỏi:**

**Câu 1:** Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:** Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại so bì với lão Miệng?

**Câu 3:** Hậu quả của việc so bì, tị nạnh đó như thế nào? Họ đã giải quyết hậu quả đó bằng cách nào?

**Câu 4:** Theo em, ai là người nhận thức ra vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề đầu tiên? Vì sao?

**Câu 5:** Truyện mượn các bộ phận cơ thể để nói chuyện con người. Có thể ví cơ thể người như một tổ chức, một cộng đồng… Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng là những cá nhân trong tổ chức, cộng đồng nào đó. Từ mối quan hệ này, truyện nhằm khuyên nhủ điều gì?

**Câu 6:** Viết đoạn văn ngắn (7-10 dòng) nêu suy nghĩ của em về hậu quả của thói suy bì, tị nạnh trong cuộc sống.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Thể loại: Truyện ngụ ngôn

Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

**Câu 2:** Vì:

– Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai đều cho rằng họ phải làm việc vất vả để nuôi lão Miệng.

– Còn lão Miệng thì chẳng phải làm gì cả mà chỉ ngồi ăn không

=> Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai cảm thấy ghen tị, bất bình khi bản thân phải làm việc mệt nhọc để cho lão Miệng hưởng lợi

**Câu 3**

* Hậu quả: Cả bọn lừ đừ, mệt mỏi, rã rời gần như tê liệt.
* **Cách giải quyết:** Mọi người đã:

+ Chăm sóc lão Miệng, thái độ tận tình

+ Cuộc sống đoàn kết, hòa thuận, vui vẻ, khỏe mạnh.

**Câu 4:** Bác Tai nhận ra sai lầm vì là nơi lắng nghe và thấu hiểu.

**Câu 5:** Truyện nêu ra bài học rằng trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau gắn bó với nhau để cùng tồn tại, do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.

**Câu 6: HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**\* Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

\*  **Nội dung**  
 **- MĐ:**Giới thiệu vấn đề nghị luận: Lòng đố kị.

**- TĐ:**

**+ Giải thích:** Đố kị là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác.Lòng đố kị thể hiện qua những hành động suy nghĩ tỏ ra khó chịu khi người khác hơn mình.

**+ Bàn luận về tác hại của đố lòng kị**

.)Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.

.) Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.

.) Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.

**+ Bài học nhận thức và hành động**: Lòng đố kị là tính xấu của con người cần phải loại trừ con người cần có lòng cao thượng khoan dung rộng rãi; Cạnh tranh lành mạnh, cố gắng hết sức để vượt qua khó khăn.

**- KĐ**: Khẳng định lại tác hại của đố kị và liên hệ bài học cho bản thân.

**PHIẾU SỐ 6:**

**Câu 1.** Chân, tay, tai, mắt, miệng là truyện ngụ ngôn:

**A. Nhân hóa các bộ phận trên thân thể con người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.**

B. Ẩn dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

C. Hoán dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

D. So sánh các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng.

**Câu 2.** Tại sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại so bì với bác Miệng

**A. Họ nhận thấy họ phải làm việc cực nhọc quanh năm, còn lão Miệng không phải làm gì vẫn có cái ăn**

B. Từ lâu họ đã thấy lão Miệng khác họ

C. Họ không thích tính cách của lão Miệng

D. Cả B và C đều đúng

**Câu 3.** Tai, Mắt, Chân, Tay, Miệng tượng trưng cho những con người trong một tổ chức, đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

**Câu 4.** Truyện mang ý nghĩa gì?

A. Mỗi cá nhân không thể tách khỏi mối quan hệ mật thiết với cộng đồng

B. Sống trong cộng đồng cần có tinh thần tập thể, một người vì mọi người

**C. Cả A và B đều đúng**

D. A đúng, B sai

**Câu 5.** Truyện ngụ ngôn không nhất thiết sử dụng yếu tố thần kì, nếu có thì chỉ có thể giúp ta diễn đạt một cách sinh động những khái niệm khô khan, đúng hay sai?

A. Đúng

**B. Sai**

**Câu 6.** Truyện ngụ ngôn là gì?

A. Truyện có tính chất gây cười

B. Truyện kể về nguồn gốc dân tộc và những sự kiện lịch sử trong quá khứ

C. Truyện kể về sự tích các loại vật, đồ vật

**D. Truyện kể về loài vật, đồ vật, cây cối, con người, nhằm đưa ra những bài học khuyên răn con người.**

**Câu 7.** Ai là người đưa ra quan điểm: “Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không” đầu tiên?

A. Cậu Tay

**B. Cô Mắt**

C. Bác Tai

D. Cậu Chân

**Câu 8.** Khi nghe mọi người nói: “Từ nay chúng tôi không làm gì để nuôi ông nữa” thì thái độ của bác Miệng như thế nào?

A. Rất buồn phiền

**B. Rất ngạc nhiên**

C. Rất đau khổ

D. Rất bình tĩnh

**Câu 9.** Kết thúc của truyện ngụ ngôn này là kết thúc có hậu, do ý thức được bản chất vấn đề, đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

* **DẠNG 3: DẠNG VIẾT NGẮN**

# Đề bài **: **Có ý kiến cho rằng: “Từ câu chuyện cãi vã của các bộ phận, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã truyền tải bài học ý nghĩa về tinh thần đoàn kết”. Em hãy phân tích truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng để làm sáng tỏ ý kiến trên.****

# ****\*DÀN Ý THAM KHẢO:****

**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn (khái niệm, đặc trung nghệ thuật, ý nghĩa…)

- Giới thiệu về truyện “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng” (tóm tắt, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…)

- Nêu ý kiến

**b. Thân bài**

**\*Khái quát nhận định.**

**\*Phân tích:**

**\* Chân, Tay, Tai, Mắt so bì, tị nạnh với lão Miệng**

- Họ kéo nhau đến nhà lão Miệng, đến nơi không chào hỏi, nói thẳng với lão “Từ nay chúng tôi không làm gì để nuôi ông nữa”

**\*Hậu quả về hành động của Chân, Tay, Tai, Mắt**

- Cậu Chân, cậu Tay: không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy, vui đùa như trước

- Cô Mắt: ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ thì không được

- Bác Tai: nghe tiếng gì cũng không rõ, thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong

→ Cả hội lừ đừ, mệt mỏi

**\* Cách sửa chữa hậu quả**

- Cả bọn cố gượng dậy đến nhà lão Miệng, vực lão Miệng dậy và tìm thức ăn cho lão

- Cả bọn lại chung sống hòa thuận, mỗi người một việc như trước, không ai tị nạnh ai cả

- Bài học cho bản thân: Từ câu chuyện của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miêng, truyện nêu ra bài học: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó, phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau

**\* Đánh giá ý kiến**.

**c. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản:

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- GV giao đề bài sau, giúp HS vận dụng kĩ năng đọc hiểu thể loại truyện ngụ ngôn: Tìm đọc từ 1 văn bản thuộc thể loại truyện ngụ ngôn. Ghi lại việc đọc hiểu của mình vào phiếu học tập sau.

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN VĂN BẢN:..................................... TÁC GIẢ........................................** | |
| **Nội dung đọc hiểu** | **Trả lời** |
| 1. Đề tài | ..... |
| 2. Cốt truyện, sự kiện | ..... |
| 3. Tình huống truyện | ..... |
| 4. Nhân vật | ..... |
| 5. Ngôn ngữ | ..... |
| 6. Giá trị của tác phẩm | ..... |

- Ôn tập Vb: *Một số câu tục ngữ Việt Nam.*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN**

**MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù:** Đọc

- Học sinh ôn luyện, cũng cố và nâng cao mở rộng kiến thức về tục ngữ.

- Rèn và phát triển năng lực đọc hiểu tục ngữ:

+ Thành thạo kĩ năng nhận diện hình thức của các câu tục ngữ qua văn bản “Một số câu tục ngữ Việt Nam” và các câu tục ngữ ngoài chương trình.

+ Hiểu được nội dung, một số hình thức nghệ thuật và ý nghĩa của những câu tục ngữ trong bài học.

**-** Tích cực chủ động tìm hiểu đặc điểm về hình thức, nội dung của tục ngữ.

- Nắm được những bài học kinh nghiệm quý báu mà ông cha ta gửi gắm trong các câu tục ngữ và vận dụng vào thực tiễn phù hợp, đạt hiệu quả cao

**b. Năng lực chung**

*Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Chủ động đề ra kế hoạch học tập và thực hiện hiệu quả

*Tự chủ và tự học:* Học sinh tự giác tích cực học tập, hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập của cá nhân, tổ nhóm.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức khám phá, tìm hiểu vẻ đẹp của văn bản nghị luận văn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị:** Ti vi( máy chiếu), máy tính.

**2. Học liệu**:

- Đề bài, phiếu học tập.

- Đoạn văn tham khảo.

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức ngữ văn để cho học sinh bước vào ôn tập hiệu quả.

**b**. **Nội dung:** Học sinh chia sẻ kĩ năng đọc hiểu tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Nội dung chia sẻ thể hiện sự hiểu biết của học sinh.

**d.Tổ chức thực hiện:** Dùng phương pháp đàm thoại khơi gợi hiểu biết của học sinh.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**CHIA SẺ CÁ NHÂN**

**Câu 1: Tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn học nào ?**

A. Văn học dân gian.

B. Văn học viết

C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp

D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Câu 2: Em hiểu thế nào là tục ngữ ?**

A. Là những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh.

B. Là những câu nói thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt.

C. Là một thể loại văn học dân gian

D. Cả ba ý trên.

**Câu 3: Câu nào sau đây không phải là tục ngữ ?**

A. Khoai đất lạ, mạ đất quen

B. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

C. Một nắng hai sương

D. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân

**Câu 4: Nhận xét nào sau đây giúp phân biệt rõ nhất tục ngữ và ca dao ?**

A. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao, câu đơn giản nhất cũng phải là một cặp lục bát (6/8).

B. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn ca dao nói đến tư tưởng tình cảm của con người.

C. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, thiên về lí trí, nhằm nêu lên những nhận xét khách quan còn ca dao là thơ trữ tình, thiên về tình cảm, nhằm phô diễn nội tâm con người.

D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 5: Dòng chứa khái niệm về tục ngữ?**

* + 1. Tục ngữ là những câu có vần điệu, có hình ảnh nhằm đúc kết kinh nghiệm về đời sống và con người.
    2. Tục ngữ là câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.
    3. Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn về thế giới tự nhiên và xã hội.
    4. Tục ngữ là những câu nói có vần điệu, có hình ảnh nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và những ứng xử của con người.

**Câu 6: Dòng nào nói lên đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ?**

A.Tính ngắn gọn, hàm súc; tính đối xứng, vần điệu, hình tượng.

B. Tính đối xứng, vần điều, hình tượng.

C. Dễ thuộc dễ nhớ, dễ vận dụng.

D. Gần gũi, giản dị, dễ hiểu.

**Câu 7: Tính ngắn gọn, hàm súc của tục ngữ biểu hiện ở?**

A.Việc sắp xếp vị trí các tiếng, các từ tối ưu đến mức chỉ có một sự dịch chuyển nhỏ cũng đủ phá vỡ toàn bộ câu tục ngữ.

B. Ngắn gọn, ý nhiều mà lời ít.

C. Ngôn ngữ giàu hình ảnh.

D. Cả ý A và B

**Câu 8: Tình hình tượng của tục ngữ được tạo bởi:**

A.Lối nói quá.

B. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, vần điệu.

C. Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá ẩn dụ,…

D. Các hình thức điệp.

**Câu 9: Dòng nào nói lên giá trị thực tiễn của tục ngữ?**

A.Tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm được đúc rút, tổng kết từ truyền miệng.

B. Tục ngữ là kinh nghiệm được đúc rút từ việc so sánh lí thuyết với thực tiễn.

C. Tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm được học tập từ văn học dân gian thế giới.

D. Chứa đựng kinh nghiệm được đúc rút, tổng kết dựa vào quan sát thực tiễn của nhân dân.

**Câu 10: Dòng nào nói lên nhận xét khái quát về tục ngữ?**

A.Là một cụm từ cố định, chưa thành câu, có thể dùng để tạo câu.

B. Tục ngữ là một câu nói hàon chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý.

C. Là một ngữ nêu lên mệnh đề.

D. Là câu đặc biệt thông báo sự tồn tại (việc, người)

**Câu 11 : Việc ngắt nhịp đúng ở tục ngữ có tác dụng như thế nào?**

A.Ngắt nhịp đúng sẽ giúp ta hiểu đúng ý nghĩa của câu tục ngữ và ngược lại.

B. Việc ngắt nhịp ở tục ngữ góp phần chuyền tải nội dung, ý nghĩa câu tục ngữ.

C. Ngắt nhịp đúng sẽ giúp ta dễ thuộc, dễ nhớ câu tục ngữ để vận dụng.

D. Ngắt nhịp đúng sẽ thể hiện tính đối xứng của 2 vế trong câu tục ngữ.

**Câu 12: Nhờ các biện pháp tu từ mà lối nói của Tục ngữ tuy ngắn nhưng vẫn:**

A.Dễ hiểu.

B. Hấp dẫn.

C. Sinh động.

D. Đầy đủ.

**Câu 13: Câu tục ngữ “Ăn một miếng, tiếng để đời” sử dụng cách gieo vần nào?**

A.Vần liền

B. Vần cách.

C. Vần liền xen vần cách.

D. Vần lưng.

**Câu 14: Câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người” chứa đựng kinh nghiệm về:**

1. Về cách ăn tiêu
2. Về ứng xử
3. Về đánh giá con người.
4. Về đạo đức con người.

**Câu 15: Những kinh nghiệm được đúc kết trong các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất có ý nghĩa gì ?**

A. Là bài học dân gian về khí tượng, là hành trang, “túi khôn” của nhân dân lao động, giúp cho họ chủ động dự đoán thời tiết và nâng cao năng xuất lao động

B. Giúp nhân dân lao động chủ động đoán biết được cuộc sống và tượng lai của mình.

C. Giúp nhân dân lao động có một cuộc sống vui vẻ, nhàn hạ và sung sướng hơn.

D. Giúp nhân dân lao động sống lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống và công việc của mình.

**Câu 16: Các câu tục ngữ trong bài học Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói riêng và tục ngữ nói chung nên được hiểu theo nghĩa nào ?**

A. Nghĩa đen. B. Nghĩa bóng

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 17: Những câu tục ngữ đồng nghĩa là những câu tục ngữ như thế nào ?**

A. Có ý nghĩa gần giống nhau B. Có ý nghĩa trái ngược nhau

C. Có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau D. Có ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.

**Câu 18: Những câu tục ngữ trái nghĩa là những câu có ý nghĩa như thế nào với nhau ?**

A. Hoàn toàn trái ngược nhau B. Bổ sung ý nghĩa cho nhau

C. Hoàn toàn giống nhau D. Mâu thuẫn với nhau

**Câu 19: Câu nào trái nghĩa với câu tục ngữ “Rét tháng ba bà già chết cóng” ?**

A. Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

B. Bao giờ cho đến tháng ba,

Hoa gạo rụng xuống bà già cất chăn.

C. Mưa tháng ba hoa đất

Mưa tháng tư hư đất.

D. Bao giờ cho đến tháng ba

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng.

**Câu 20: Câu tục ngữ “Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền” dùng cách gieo vần nào?**

A.Vần liền.

B. Vần cách

C. Vần liền xen vần cách.

D. Vần lưng

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Ônluyện, củng cố kiến thức về tục ngữ

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện cá nhân, cặp đôi các câu hỏi ôn luyện kiến thức về tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** GV lần lượt chiếu các câu hỏi, yêu cầu HS lần lượt trả lời cá nhân/cặp đôi các câu hỏi để ôn tập lại kiến thức ngữ văn về kiểu bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi ôn tập** | **Trả lời** |
| **Câu 1**  Nêu khái niệm về tục ngữ. | **1. Khái niệm**  - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn có vần điệu, có ý nghĩa khái quát lớn thường tổng kết những kinh nghiệm trong đời sống của nhân dân. |
| **Câu 2**  Nêu đặc điểm về nội dung và hình thức của tục ngữ. | **2. Đặc điểm của tục ngữ:**  \* Về nội dung:  - Tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội.  \* Về hình thức:  - Thường ngắn gọn (câu ngắn nhất gồm 4 chữ, câu dài có thể dưới 16 chữ)  - Có nhịp điệu, hình ảnh.  - Hầu hết thường có vần và thường là vần lưng. Vần lưng trong tục ngữ có thể được gieo ở hai tiếng liền nhau.  VD: *Bút* ***sa gà*** *chết*  *Một điều* ***nhịn chín*** *điều lành.*  Hoặc gieo ở hai tiếng cách nhau gọi là vần cách.  VD: *Tôm đi chạng* ***vạng****, cá đi* ***rạng*** *đông.*  -Thường có hai về trở lên, các vế đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung.  VD: *Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.*  -Thường đa nghĩa nhờ sử dụng các biện pháp tu từ, nhất là tục ngữ về con người và xã hội. |
| **Câu 3**  Nêu chiến lược đọc hiểu tục ngữ | **3. Chiến lược đọc hiểu tục ngữ:**  - Đọc kỹ văn bản để xác định chủ đề tục n gữ.  - Phát hiện các yếu tố nghệ thuật (ngôn ngữ, nhịp, vần, cấu trúc, hình tượng, các biện pháp nghệ thuật,…), phân tích các yếu tố đó.  - Suy nghĩ để tiếp nhận những kinh nghiệm, cảm nhận tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong cuộc sống, lao động, sinh hoạt.  - Phân tích, đánh giá được giá trị nhận thức, văn hoá, giáo dục từ văn bản.  - Liên hệ để thấy ý nghĩa của văn bản đối với bản thân, bài học nhận thức từ kinh nghiệm dân gian. |
| **Tục ngữ**  (Những đặc trưng cơ bản và quan trọng)  Chủ đề tư tưởng  Từ ngữ  Hình ảnh  Vần nhịp  Biện pháp tu từ  Kết cấu  Kinh nghiệm | |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**a. Mục tiêu:** Học sinh ôn luyện, thành thạo kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

**b. Nội dung:** Học sinh hoàn thành nội dung các bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài sách giáo khoa theo hình thức cá nhân hoặc tổ nhóm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên lần lượt chiếu các bài tập (phát phiếu học tập) cho HS thực hiện cá nhân/ nhóm cặp.

**PHIẾU SỐ 1:**

|  |
| --- |
| **Câu 1: Câu “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. Bay cao thì nắng bay vừa thì râm” thuộc thể loại văn học dân gian nào ?**  A. Thành ngữ.     B. Tục ngữ  C. Ca dao     D. Vè  **Câu 2: Nội dung những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói về điều gì ?**  A. Các hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên  B. Công việc lao động sản xuất của nhà nông.  C. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người  D. Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.  Đáp án:**D**  **Câu 3: Em hiểu câu tục ngữ “Tấc đất tấc vàng” như thế nào ?**  A. Đề cao, khẳng định sự quý giá của đất đai.  B. Cuộc sống và công việc của người nông dân gắn với đất đai đồng ruộng, đất sản sinh ra của cải, lương thực nuôi sống con người, bởi vậy đối với họ, tấc đất quý như vàng.  C. Nói lên lòng yêu quý, trân trọng từng tấc đất của những người sống nhờ đất.  D. Cả ba ý trên.  **Câu 4: Câu tục ngữ nào trong các câu sau đồng nghĩa với câu**  *“Thâm đông, hồng tây, dựng mây. Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi ?*  A. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.  B. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt  C. Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa  D. Mống đông, vồng tây, chẳng mưa dây cũng bão giật  **Câu 5: Trường hợp nào cần bị phê phán trong việc sử dụng câu tục ngữ “Tấc đất, tấc vàng” ?**  A. Phê phán hiện tượng lãng phí đất  B. Đề cao giá trị của đất ở một vùng đất được ưu đãi về thời tiết, địa hình nên dễ trồng trọt, làm ăn.  C. Cổ vũ mọi người khai thác các nguồn lợi từ đất một cách bừa bãi  D. Kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và bảo vệ đất.  **Câu 6: Theo em, các câu tục ngữ có cách nói “thứ nhất, thứ nhì …” được dùng để nhấn mạnh thứ tự các yếu tố được coi là quan trọng đúng hay sai ?**  A. Đúng.      B. Sai  **Câu 7: Tục ngữ về con người xã hội được hiểu theo những nghĩa nào?**   1. Nghĩa đen B.Nghĩa đen + nghĩa bóng 2. Nghĩa bong C.Tất cả đều sai   **Câu 8: Câu tục ngữ nào trong bài nói về lao động sản xuất?**   1. Câu 2 B. Câu 2 và 4   C. Câu 1 và 3 D. Câu 4  **Câu 9: Từ ngữ nào trong câu “Cái răng, cái tóc là góc con người” sử dụng hình ảnh hoán dụ?**  A.Cái răng B. Cái tóc  C. Cái răng, cái tócD. Góc  **Câu 10: Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?**   1. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm 2. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh 3. Giấy rách phải giữ lấy lề 4. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may   **Câu 11: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” phù hợp với nội dung học tập nào sau đây?**  A. Học nóiB. Học ăn  C. Học mở D. Học gói  **Câu 12: Những vần nào được gieo trong hai câu tục ngữ sau:**  *- Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.*  *- Kiến cánh vỡ tổ bay ra*  *Bão táp mưa sa gần tới.*  A.ay – a C. ay – ay  B. uồn – a D.uồn – ưa  **Câu 13: Phương án nào KHÔNG đúng khi nêu tác dụng của cách gieo vần trong câu tục ngữ sau:**  *- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.*  *- Đói cho sạch, rách cho thơm.*  A.Dễ nhớ, dễ thuộc.  B. Tạo nhịp điệu  C. Thể hiện cảm xúc.  D. Tạo sự cân đối nhịp nhàng.  **Câu 14: Các câu tục ngữ sau thể hiện kinh nghiệm về điều gì?**  *- Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*  *- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.*  *- Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.*  A. Thời tiết.  B. Lao động, sản xuất.  C, Đời sống xã hội.  D.Đối nhân xử thế  **Câu 15: Các câu tục ngữ sau muốn nhắn gửi điều gì?**  *- Không thầy đố mày làm nên.*  *- Học thầy không tày học bạn.*  A.Vai trò của việc học thầy và học bạn.  B. Học bạn là quan trọng nhất.  C. Không có thầy thì không làm được gì cả.  D. Chỉ lựa chọn học thầy hoặc là học bạn.  **Câu 16: Các câu tục ngữ sau sử dụng biện pháp tu từ gì?**  *- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  *- Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*  A.Nhân hoá  B. So sánh  C. Ẩn dụ  D. Hoán dụ  **Câu 17: Em hiểu thế nào về câu tục ngữ “*Người sống hơn đống vàng*”?**  A.Giá trị của vàng trong cuộc sống.  B. Sự quý giá của mạng sống con người.  C. So sánh sự sống con người và vàng.  D. Người sống có sức nặng hơn vàng.  **Câu 18: Câu tục ngữ “*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”* được hiểu theo nghĩa nào?**  A.Nghĩa tả thực.  B. Nghĩa ẩn dụ  C. Nghĩa hoán dụ.  D. Cả nghĩa tả thực và nghĩa ẩn dụ.  **Câu 19: Ý nào sau đây nêu lên ý nghĩa của câu tục ngữ “*Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa*”?**  A.Làm ruộng ba năm mang lại lợi nhuận cao bằng nuôi tằm một lứa.  B. Làm ruộng ba năm mang lại lợi nhuận cao hơn nuôi tằm một lứa.  C. Làm ruộng tuy vất vả nhưng có hiệu quả kinh tế hơn nuôi tằm.  D. Làm ruộng vừa vất vả vừa không có hiệu quả kinh tế cao bằng nuôi tằm.  **Câu 20: Câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” khuyên nhủ con người điều gì?**   1. Khi chăm chỉ làm việc thì sẽ thu được nhiều thành quả lao động tốt đẹp. 2. Cần phải biết ơn, trân trọng những người đã tạo ra thành quả cho chúng ta hưởng ngày hôm nay. 3. Cần phải sống gắn bó, đoàn kết để tạo nên sức mạnh, phấn đấu đạt được những thành công to lớn trong cuộc sống. 4. Cần phải giữ gìn phẩm chất ngay thẳng, trong sạch, tử tế cho dù cuộc sống có khó khăn, thiếu thốn đến đâu đi nữa. |

**PHIẾU SỐ 2: Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:**

*1.Mây thành vừa hanh vừa giá.*

*2. Sấm bên đông, động bên tây.*

*3. Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.*

*4. Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.*

*5. Có vất vả mới thanh nhàn*

*Không dưng ai dễ cầm tàn che cho.*

**\*Chú thích:**

(1) *Mây thành*: mây kéo dài, phần ở chân trời như bức tường thành cổ.

(2) *Tàn*: đồ dùng có cán dài cắm vào một cái khung tròn bọc nhiễu hoặc vóc, xung quanh rũ dài xuống để che cho vua chúa thời trước hoặc che kiệu trong các đám rước.

**Câu 1**: Phân tích cấu trúc trong câu tục ngữ : “Nhai kỹ no lâu/ Cày sâu tốt lúa” theo gợi dẫn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số tiếng trong mỗi vế câu** | **Từ loại** |
| *Nhai kỹ no lâu* |  |  |
| *Cày sâu tốt lúa* |  |  |
| **Nhật xét chung** |  | |

**Câu 2:** Em hãy nhận xét các hình ảnh được sử dụng trong câu tục ngữ trên.

**Câu 3**: Xác định chủ đề của những câu tục ngữ đã cho.

**Câu 4**: Phân tích ý nghĩa câu tục ngữ: “Trời nắng tốt dưa/ Trời mưa tốt lúa”. Từ đó hãy nhận xét giá trị kinh nghiệm mà dân gian đúc kết trong câu tục ngữ này.

**Câu 5:** Từ ý nghĩa của bài 4 em hãy viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ : “Trời nắng tốt dưa/ Trời mưa tốt lúa”.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số tiếng trong mỗi vế câu** | **Từ loại** |
| *Nhai kỹ no lâu* | Bốn tiếng | Động từ (nhai) + Tính từ ( kỹ, no, lâu) |
| *Cày sâu tốt lúa* | Bốn tiếng | Động từ (cày) + Tính từ (sâu, tốt) + Danh từ (lúa) |
| **Nhật xét chung** | -Cấu trúc đối xứng, ngắn gọn, cân đối tạo nên nhịp điệu hài hoà của câu tục ngữ phù hợp với tính chất truyền miệng, dễ nhớ. Cách gieo vần âu ở tiếng thứ tư (lâu) của vế trước với tiếng thứ hai (sâu) của vế sau tạo nên điểm nhấn quan trọng của lời nói, tạo nên sự liên kết của hai vế trong câu.  - Đối xứng về từ loại: động từ với động từ; tính từ với tính từ. Các động từ chỉ hành động (nhai, cày) kết hợp với các tính từ (kĩ, no, lâu, sâu, tốt) chỉ tính chất của hành động, nhấn mạnh hiệu quả hành động: nhai kỹ khiến thức ăn được nghiền nát, quá trình hấp thu dinh dưỡng đầy đủ dễ dàng, cơ thể được nuôi dưỡng đầy đủ; cày sâu làm cho đất có độ nhuyễn cao, tơi xốp cây lúa dễ hấp thu dinh dưỡng trong đất.  🡪Câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm quý báu: khi làm việc gì, sự cẩn thận, kĩ càng sẽ là yếu tố dẫn ta đến thành công. | |

**Câu 2**: Hình ảnh được sử dụng tỏng các câu tục ngữ trên chủ yếu là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi với cuộc sống lao động của người dân xưa. Đồng thời, những hình ảnh đó cũng cho thấy sự quan sát tỉ mỉ của họ trước các hiện tượng của tự nhiên cũng như trong sản xuất.

**Câu 3**: Xác định chủ đề của những câu tục ngữ:

Câu tục ngữ số 1,2: kinh nghiệm về thời tiết.

Câu tục ngữ số 3,4,5: kinh nghiệm về lao động.

**Câu 4:**

* Câu tục ngữ đã truyền đạt kinh nghiệm trồng trọt và cách lựa chọn loại cây trồng phù hợp theo mùa để có năng suất cao:

+ Dưa phù hợp với thời tiết nắng, vì thế khi trời nắng nóng sẽ thích hợp để trồng dưa.

+ Lúa (nhất là lúa nước) rất cần nước. Khi trời mưa, đất ẩm, đủ nước sẽ thích hợp để trồng lúa.

* Kinh nghiệm dân gian đúc kết từ bao đời giúp người nông dân chủ động lựa chọn theo thời vụ mà trồng loại cây cho phù hợp để có năng suất cao.
* Đây là bài học kinh nghiệm quý giá cho nhà nông, nhưng cũng là bài học chung cho mọi người: để có hiệu suất tốt của công việc, bên cạnh các yêu tố chủ quan, cần lựa chọn các yêu tố khách quan phù hợp.

**Câu 5:**

**Tham khảo:** Câu tục ngữ "Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa" là câu tục ngữ thuộc về lao động và kinh nghiệm sản xuất. Câu tục ngữ với cấu trúc ngắn gọn, có tính chất truyền miệng cao, cùng với cách gieo vần "ưa" đã tạo cho câu tục ngữ tính chất dễ nhớ, dễ truyền miệng và dễ được lưu truyền cho hậu thế. Câu tục ngữ đã truyền đạt kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến cây trồng đặc thù. Khi thời tiết nắng nóng thì sẽ thích hợp để trồng dưa, còn khi thời tiết mưa nhiều đất ẩm thì sẽ thích hợp để trồng lúa nước. Kinh nghiệm giúp cho nhân dân ta chủ động lựa theo thời tiết mà trồng loại cây cho phù hợp và có nắng suất cao. Việt Nam là đất nước có thời tiết theo mùa nên việc chủ động trồng trọt cho phù hợp với thời tiết để có năng suất sao cho phù hợp để có năng suất cao là vô cùng cần thiết. Tóm lại, câu tục ngữ "Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa" là câu tục ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với việc trồng trọt của nước ta.

**PHIẾU SỐ 3**: **Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:**

*1.Cá chuối đắm đuối vì con.*

*2. Em thuận, anh hoà là nhà có phúc.*

*3. Nói trăm thước không bằng bước một gang.*

*4. Có cứng mới đứng đầu gió.*

*5. Ai ơi, chớ vội cười nhau,*

*Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.*

**Câu 1**: Nhận xét về cách gieo vần của câu tục ngữ: “Có cứng mới đứng đầu gió”.

**Câu 2**: Nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu tục ngữ: “Nói trăm thước không bằng bước một gang.”

**Câu 3**: Những kinh nghiệm nào được nhắc đến trong các câu tục ngữ trên. Bài học mà em rút ra từ các câu tục ngữ đó là gì?

**Câu 4**: Phân tích câu tục ngữ: “Ai ơi, chớ vội cười nhau/ Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười”. Theo em, tác giả dân gian muốn gửi gắm thông điệp gì qua câu tục ngữ đó?

**Câu 5**: Câu tục ngữ: “Em thuận, anh hoà là nhà có phúc” đề cập đến quan hệ nào trong gia đình?

**Câu 6**: Ca dao và tục ngữ đều có những bài sử dụng thể thơ lục bát, vừa bộc lộ tâm trạng vừa đúc kết những kinh nghiệm của nhân dân, em hãy gợi ý cách phân biệt hai thể loại trên.

**Câu 7:** Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về câu tục ngữ “ Thương người như thể thương thân”

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**:

* Câu tục ngữ sử dụng vần cách: *“Có* ***cứng*** *mới* ***đứng*** *đầu gió”.*
* Vần được ví như chất keo dính kết các từ, góp phần làm cho câu tục ngữ bền vững, tạo nhịp điệu và hiệu quả hoà âm khiến câu tục ngữ trở nên mềm mại.

**Câu 2**:

Câu tục ngữ sử dụng biện pháp so sánh, So sánh giữa “nói” và “bước”, giữa lời nói và việc làm; nói thì lớn (trăm thước), làm thì ngược lại (một gang).

**Câu 3**:

Văn bản (1): Từ việc cá chuối mẹ chịu mọi gian khổ, hi sinh vì đàn con, câu tục ngữ noi về bài học của tình mẫu tử.

Văn bản (2): Trong gia đình, không chỉ tuân thủ tôn ti, trật tự, điều quan trọng anh em phải biết yêu thương, tôn trọng nhau. Đấy chính là bài học về nền tảng đạo đức gia đình.

Văn bản (3): Có người nói thì hay, làm lại rất dở. Bài học: thay vì nói hay hãy thể hiện bằng việc làm cụ thể.

Văn bản (4): Có mạnh mẽ, cứng rắn, tự tin mới đứng ở những nơi khó khăn, thử thách. Câu tục ngữ là bài học về sự tự tin, mạnh mẽ, nghị lực để đương đầu với thử thách.

Văn bản (5): Thói đời, có kẻ chỉ biết cười chê, dèm pha người khác. Câu tục ngữ khuyên ta, trước khi làm gì hay định chê bai ai đó hãy tự ngẫm, tự xem lại chính mình.

**Câu 4**:

\*Câu tục ngữ là lời nhắn nhủ của tác giả dân gian về cách ứng xử trong cuộc sống:

- Câu tục ngữ mở đầu bằng “ai ơi” là tiếng gọi tha thiết, thân mật.

- Cách nói của tác giả dân gian rất ý nhị: “chớ vội” nhắc ta không nên vội vàng, hãy suy ngẫm về chính mình trước khi “cười” ai, suy rộng ra, trước khi làm gì hoặc chê bai người khác hãy tự nhìn lại bản thân mình.

- Cách sử dụng thể thơ lục bát khiên lời khuyên nhẹ nhàng mà thấm thía.

\*Câu tục ngữ không chỉ nói đến kinh nghiệm ứng xử, thông điệp mà tác giả dân gian gửi gắm thấu đáo, cần tự kiểm điểm soi lại mình trước khi phê bình hay phán xét ai đó.

**Câu 5**: Câu tục ngữ “Em thuận. anh hoà là nhà có phúc” đề cập đến quan hệ anh – em trong gia đình. Hạnh phúc của gia đình là em biết nghe lời anh, anh đối xử với em hài hoà. Anh, em đoàn kết, biết yêu thương nhau.

**Câu 6**: Gợi ý cách phân biệt ca dao và tục ngữ:

Ví dụ hai văn bản sau:

*(1)Đàn bà như cánh hoa tươi.*

*Nở ra chỉ được một thời mà thôi.*

*(2) Thân em như thể cánh hoa*

*Sóng dập gió vùi biết tấp vào đâu.*

Văn bản (1) và (2) cùng sử dụng thể thơ lục bát và hình ảnh “cánh hoa”

* Văn bản (1) só sánh người phụ nữ với cánh hoa tươi, ý nói đàn bà con gái nhan sắc chóng tàn phai, thời xuân sắc chỉ có một lần 🡪 thiên về đúc rút kinh nghiệm 🡺tục ngữ
* Văn bản (2): thân phân của người phụ nữ được so sánh với cánh hoá, khẳng định vẻ đẹp của người phụ nữ, những số phận cánh hoa/ thân phận họ sẽ ra sao thì bản thân họ không thể định đoạt được. Lời nói mang ý vị chua xót, thiên về tâm trạng, mang bản chất trữ tình 🡺 Ca dao

**Câu 7:**

Trong kho tàng văn học Việt Nam tồn tại từ xưa đến nay, mỗi câu chuyện, mỗi câu ca dao, tục ngữ, mỗi bài thơ luôn đề cập đến một truyền thống quý báu của dân tộc. Đó là truyền thống “Thương người như thể thương thân”, ca ngợi lòng thương người và phê phán những kẻ thờ ơ với người khác.Là một câu tục ngữ đầy ý nghĩa, “thương người như thể thương thân” đề cao việc yêu thương mọi người xung quanh như chính bản thân mình. Ta quí trọng, yêu thương bản thân bao nhiêu thì càng phải quí trọng, yêu thương những đồng bào quanh ta bấy nhiêu. Truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc ta đã được truyền lại qua nhiều thế hệ bằng các câu ca dao tục ngữ hay qua các câu chuyện, bài thơ. Đây là một nghĩa cử dẹp, thể hiện nhân cách của con người.***Thật vậy!***Chúng ta ai cũng hiểu rằng: là người sống trong xã hội, không ai sống lẻ loi, đơn độc được mà phải tập hợp thành đoàn thể, cộng đồng. Trong gia đình ta có mối quan hệ anh em, những người cùng huyết thống, cùng có những kỉ niệm vui buồn bên nhau. Họ chẳng khác nào như chân với tay trong cùng một cơ thể. Do đó khi có ai gặp hoạn nạn khó khăn, mọi người đâu nỡ quay mặt làm ngơ cho được, bởi "máu chảy ruột mềm”.

**PHIẾU SỐ 3: Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*- Chết trong còn hơn sống đục*

*- Đói cho sạch, rách cho thơm*

*-  Thương người như thể thương thân.*

*- Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

*(Ngữ văn 7- tập 1, trang 12 - 14)*

**Câu 1 .** Các câu tục ngữ trên thuộc thể loại văn học nào? Trình bày khái niệm của thể loại văn học đó.

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ đó là gì?

**Câu 3*:*** Liệt kê những phép tu từ được sử dụng trong mỗi câu tục ngữ trên.

**Câu 4.** Giải thích nghĩa câu tục ngữ: *“Đói cho sạch, rách cho thơm”*

**Câu 5.**Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ vừa được giải thích ở trên

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:**

- Thể loại: Tục ngữ

- Khái niệm tục ngữ: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày

**Câu 2:**

- PTBĐ chính: Nghị luận

**Câu 3:**

- Các phép tu từ được sử dụng trong những câu tục ngữ: so sánh, điệp ngữ, liệt kê

**Câu 4:**

- Ý nghĩa câu: “Đói cho sạch, rách cho thơm”:

+ Nghĩa đen: Dù đói vẫn phải ăn sạch, sống sạch, dù rách vẫn phải thơm tho

+ Nghĩa bóng: dù rơi vào bất kì hoàn cảnh khó khăn nào vẫn phải sống trong sạch, lương thiện

- Câu tục ngữ giáo dục con người về lòng tự trọng, khuyên con người phải sống ngay thẳng không bao giờ được làm liều ngay cả khi khó khăn thiếu thốn

**Câu 5:**

HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự

+ Giấy rách phải giữ lấy lề

+ Chết đứng còn hơn sống quỳ

**HOẠT ĐỘNG 4. LUYỆN LÀM VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nâng cao kĩ năng viết đoạn văn

**b. Nội dung:** HS báo cáo kết quả bài tập đã giao từ buổi ôn trước và bài học rút ra về kiểu bài.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh bàn về ý kiến “Tục ngữ là túi khôn của dân gian”.

**d. Tổ chức hoạt động :** GV cho HS khát quát lại lí thuyết về viết đoạn văn, lập dàn ý sau đó cho học sinh thực hành viết đoạn văn, văn bản nghị luận về thơ.

**Đề bài 1:** Có ý kiến cho rằng, tục ngữ là “túi khôn của dân gian”. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý kiến trên, lấy dẫn chứng từ các câu tục ngữ từ 1 đến 8 (SGK trang 12, tập 2 Văn 7 KNTT) để chứng minh.

**GỢI Ý:**

Trước tiên cần lí giải câu nói “Tục ngữ là túi khôn của dân gian”. Sau đó từ việc giải thích các kinh nghiệm thể hiện trong 8 câu tục ngữ, em sử dụng làm căn cứ chứng minh tính đúng đắn của ý kiến đã cho. Có thể tham khảo dàn ý sau:

* Đặt vấn đề: nêu ý kiến cho rằng tục ngữ chính là “túi khôn dân gian”
* Giải quyết vấn đề:

+ Giải thích hình ảnh “túi khôn”: chiếc túi chứa tất cả trí khôn, những tinh hoa được đúc kết từ thực tiễn trong cuộc sống con người, giúp chúng ta thuận tiện “mang theo”, vận dụng trong đời sống mọi lúc, mọi nơi

+ Giải thích ý nghĩa của ý kiến: nói tục ngữ là “Túi khôn dân gian” nghĩa là nói rằng những câu tục ngữ mà cha ông ta để lại chứa đựng rất nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu.

+ Giải thích vì sao tục ngữ chứa đựng bài học, kinh nghiệm : kho tục ngữ Việt Nam còn lại đến ngày nay là một bằng chứng của sự quan sát, chinh phục thiên nhiên, những kinh nghiệm lao động sản xuất,… của cha ông.

+ Chứng minh thông qua những câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động sản xuất: về cách dự đoán thời tiết từ việc nắm được quy luật của thiên nhiên trong một chừng mực nhất định ( Ví dụ: “Kiến cánh vỡ tổ bay ra/Bão táp mưa sa gần tới”, “Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng Mười chưa cười đã tối”),… hay những kinh nghiệm quý giá về lao động sản xuất (Ví dụ: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, “Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa”),…

+ Bình luận: Những kinh nghiệm này đã đi sâu vào thực tế sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Những nhận xét, quan sát như thế không thể một ngày mà có, mà phải sau một thời gian nào đó điều này mới ổn định như một thứ phương châm, chân lí. Nó trở thành một bài học được truyền qua các thế hệ.

-Kết luận: tái khẳng định việc nói tục ngữ là “túi khôn dân gian” là đúng đắn. Khi đọc tục ngữ, chúng ta cần thấm thía, cảm nhận trí tuệ của thế hệ trước, biết ơn ông cha ta đã để lại một kho tàng cho chúng ta có thể hễ cần là có, ứng dụng trong đời sống hằng ngày.

**Đề bài 2: Viết đoạn văn ngắn nêu ý kiến của mình về câu tục ngữ dưới đây:**

*Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

**Dàn ý tham khảo:**

**\* Mở đoạn:** Giới thiệu về câu tục ngữ và khái quát ý nghĩa: Câu tục ngữ ca ngợi truyền thống đoàn kết của dân tộc ta.

**\* Thân đoạn:**

- Câu tục ngữ trên đề cao vai trò của sự đoàn kết trong cuộc sống.

- Chỉ có đoàn kết mới đem lại sức mạnh to lớn để hoàn thành những việc lớn lao, trọng đại:

+Trong quá khứ lịch sử: Nhân dân ta đoàn kết lại đánh bại kẻ thù xâm lược.

+ Hiện tại: xây dựng gia đình đoàn kết, trường học đoàn kết, nhân dân đoàn kết.

- Đoàn kết không chỉ là ở phạm vi một quốc gia mà phải ở mọi đơn vị tập thể từ bé đến lớn.

- Bên cạnh đó, vẫn còn một số người luôn gây rắc rối, phá hoại và chia rẽ đoàn kết.

- Bài học: Con người cần thấy được vai trò của sự đoạn kết. Từ đó, chúng ta cũng cần ý thức trách nhiệm cá nhân đối với cộng đồng.

**\* Kết đoạn:** Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta cần được giữ gìn và phát huy.

**Đoạn văn tham khảo:**

Câu tục ngữ " Một cây làm chẳng nên non / Ba cây chụm lại nên hòn núi cao" là câu tục ngữ hay và đặc sắc. Bằng các hình ảnh ẩn dụ "một cây", "ba cây", "núi cao" mà câu tục ngữ trên đã thể hiện thông điệp của người xưa đến với chúng ta ngày này là bài học về tình đoàn kết. Tình đoàn kết được thể hiện qua rất nhiều phương diện cụ thể, không chỉ trong lời nói, suy nghĩ mà cả trong hành động, việc làm thiết thực. Khi xưa, qua những cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống giặc ngoại xâm: cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng; Lê Lợi thắng lợi trước một thế lực nhà Minh hùng mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn sau mười năm gian khổ; Quang Trung tiêu diệt 29 vạn quân Thanh năm 1789,... hay chống thực dân Pháp và Đế quốc Mĩ,.. Tất cả những chiến công hiển hách đó đã thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân ta; nếu không có sự đoàn kết, dân tộc ta khó có thể đứng dậy đòi lại chủ quyền dân tộc. Ngày nay, trong gia đình ta cần xây dựng gia đình hòa thuận, đoàn kết, hạnh phúc, ấm áp. Không chỉ vậy, trong trường học ta cần tạo nên một lớp học đoàn kết, làm nên một tập thể vững mạnh, đạt được nhiều kết quả cao trong học tập... Như vậy, đoàn kết là bỏ qua cái “tôi” để góp sức tạo nên cái “ta” tập thể, góp phần tạo nên sức mạnh to lớn để vượt qua mọi gian nan, thử thách. Có thể khẳng định rằng tình đoàn kết là nền tảng của đạo lí, là thước đo phẩm chất, đạo đức của mỗi con người. Câu tục ngữ “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” đã mang đạo lí ý nghĩa đến thật tinh tế; nhắc nhở chúng ta sống phải có tình đoàn kết. Từ đó mà ta hãy rèn luyện và phát huy tình đoàn kết với nhau.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**- Hướng dẫn học sinh học bài**: Sưu tầm và ghi lại 2 câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất, 2 câu tục ngữ về con người và xã hội.

- Ôn lại kiến thức về phép tu từ: *Nói quá.*

*-* Chuẩn bị bài học sau: Ôn tập thực hành tiếng việt: Thành ngữ,

Biện pháp tu từ: Nói quá

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH NGỮ, BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. NĂNG LỰC**

**1. Năng lực đặc thù:** Giúp HS:

- Nhận biết được thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá trong các câu, đoạn văn.

- Hiểu được nghĩa của thành ngữ và cách sử dụng hiệu quả thành ngữ trong nói và viết.

- Phân tích, nêu tác dụng của thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá trong từng ngữ liệu cụ thể.

- Biết vận dụng thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá trong khi nói và viết thuần thục, đúng ngữ cảnh, có ý nghĩa, đạt hiệu quả cao.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**-** Có tinh thần trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng, giàu và đẹp của tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị :** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu:** Kết nối, tạo tâm thế tiếp nhận bài học.

**b. Nội dung:** Cho 2 học sinh cùng tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” liệt kê những thành ngữ em biết trên bảng phụ. Trong 3 phút ai liệt kê nhiều và đúng nhất sẽ đạt điểm 10.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên nêu yêu cầu và phổ biến luật chơi "Ai nhanh hơn"

Cách chơi: Hai học sinh tham gia chơi trong vòng 3 phút liệt kê thành ngữ mà em biết.

**Nhiệm vụ:** Liệt kê các thành ngữ mà em biết

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ

+ GV: quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**+** Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau

+ GV đánh giá kết luận, hướng dẫn học sinh ôn lại kiến thức ngữ văn.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN LUYỆN KIẾN THỨC NGỮ VĂN VỀ THÀNH NGỮ, BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ.**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về thành ngữ, biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. Kiến thức cần nhớ về Thành ngữ:** | |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức về thành ngữ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (kĩ thuật động não, yêu cầu HS thực hiện cá nhân nhiệm cụ  Nhắc lại khái niệm thành ngữ? Cấu tạo, tác dụng của thành ngữ là gì? Cho ví dụ minh họa? Phân biệt thành ngữ và tục ngữ về cấu tạo, vần, nhịp, nghĩa và nội dung.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ trả lời nội dung các câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày suy nghĩ, ý kiến và bổ sung cho nhau.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá , kết luận:**  **+** GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức phân tích cho học sinh hiểu: | **1.Khái niệm:**  - Thành ngữ là một tập hợp từ cố định. Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.  VD: *Chậm như rùa, đen như cột nhà cháy,…*  **2. Tác dụng của thành ngữ:**  - Làm cho lời nói, câu văn trở nên giàu hình ảnh, cảm xúc hơn.  Ví dụ :  *- Nó nói****dai****.*  *- Nó nói****dai như đỉa****.*  **3. Nghĩa của thành ngữ:**  - Nghĩa của thành ngữ thường được suy ra từ nghĩa của các từ tạo nên thông qua các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh…  - Đặc biệt, tính biểu trưng hoá, tức lấy tính chất của sự vật, sự việc cụ thể để biểu thị các tính chất, đặc điểm khái quát là đặc trưng ngữ nghĩa nổi bật của thành ngữ.  Ví dụ :  + Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* với nghĩa đen chỉ một sự việc cụ thể (ếch sống dưới giếng, nhìn lên bầu trời qua miệng giếng, lầm tưởng bầu trời chỉ là một khoảng nhỏ như chiếc vung) được dùng để biểu thị đặc điểm khái quát: “hiểu biết ít, tầm nhìn bị hạn chế, do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp”.  + Thành ngữ *Mèo mù vớ cá rán* được dùng để biểu thị sự may mắn bất ngờ, ngoài khả năng.  **4. Cấu tạo của thành ngữ:**  **-** Thông thường, thành ngữ có cấu tạo là một cụm từ (nhưng cũng có thể có cấu tạo là một câu, ví dụ : *Ma cũ bắt nạt ma mới*). Ví dụ : *Chậm như rùa, Yếu như sên, Một nắng hai sương, Ruộng cả ao liền v.v…* |
| **5.Phân biệt thành ngữ và tục ngữ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Tục ngữ** | **Thành ngữ** | | **Cấu tạo** | Câu ngắn | Cụm từ hoặc câu | | **Vần, nhịp** | Thường có vần điệu, nhịp nhàng, cân đối | Không có vần điệu | | **Nghĩa** | Có thể mang nghĩa trực tiếp, có thể mang nghĩa gián tiếp | Nghĩa gián tiếp, bóng bẩy. | | **Nội dung** | Đúc kết về kinh nghiệm, nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử 🡪 Diễn đạt một ý trọn vẹn | Nếu cấu tạo là cụm từ 🡪 Không diễn đạt một ý trọn vẹn | | **Ví dụ** | 1.Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.  2. Ao sâu tốt cá.  3. Xanh vỏ, đỏ lòng.  4. Ở hiền gặp lành.  5. Vẽ đường cho hươu chạy. | 1.Ác giả ác báo  2. Chó cắn áo rách.  3.Ruột để ngoài da.  4. Kết tóc xe tơ.  5. Treo đầu dê bán thịt chó. | | |
| **II. Kiến thức về biện pháp tu từ: Nói quá** | |
| **Nhiệm vụ 2: Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ nói quá.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (kĩ thuật động não, yêu cầu HS thực hiện cá nhân nhiệm cụ  Nhắc lại khái niệm nói quá? Tác dụng? BPTT Nói quá nên được sử dụng và không nên sử dụng trong trường hợp nào? Phân biệt nói quá và nói khoác?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ trả lời nội dung các câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày suy nghĩ, ý kiến và bổ sung cho nhau.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá , kết luận:**  **+** GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức phân tích cho học sinh hiểu: | **1. Khái niệm**  - Tên gọi khác: *ngoa dụ,* *thậm xưng, khoa trương, phóng đại, cường điệu, ngoa ngữ, nói ngoa.*  - Là phép tu từ phóng đại quy mô, tính chất, đặc điểm của đối tượng nhằm làm nổi rõ đặc trưng bản chất của đối tượng miêu tả, gây sự chú ý, tăng cường sức biểu cảm.  Ví dụ: *Thuận vợ thuận chồng* ***tát biển Đông cũng cạn.***  **2. Một số biện pháp nói quá:**  -Nói quá kết hợp với phép so sánh, ví dụ: Đen như cột nhà cháy  -Dùng những từ phóng đại khác: Cười vỡ cả bụng  **3. Tác dụng**  - Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  - Làm rõ hơn bản chất của đối tượng (không phải là nói dối)  **4. Cách sử dụng:**  - Thường được sử dụng thường xuyên trong lời nói hằng ngày, trong các văn bản chính luận, văn bản văn chương.  - Thận trọng: khi giao tiếp với người trên, người lớn tuổi.  - Không nên dùng: trong các văn bản hành chính, văn bản khoa học. |
| **4. Phân biệt nói quá và nói khoác:** | |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**  Phát triển năng lực làm bài tập về thành ngữ và sử dụng biện pháp tu từ nói quá trong nói và viết.

**b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, hướng dẫn học sinh làm bài tập thực hành để củng cố kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Cách thức chung:**  - GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.   * HS trình bày, nhận xét.   - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | |
| **I.Thực hành về Thành ngữ:** | |
| **Bài tập 1: Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:**  *a. Hai bên ý hợp tâm đầu*  *Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.*  *b. Pha kể đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.* | **Bài tập 1: a**. Ý hợp tâm đầu***:*** chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái  **b.** Tai bay vạ gió: chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra. |
| **Bài tập 2: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:**  *Một nắng hai sương, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sống ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rơm vạ đá, đàn gảy tai trâu* | **Bài tập 2: Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:**  ***Một nắng hai sương****, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng,* ***miệng hùm gan sứa****, ruột để ngoài da,* ***xanh vỏ đỏ lòng****,* ***vào sống ra chết****, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi,* ***quyền rơm vạ đá****, đàn gảy tai trâu.* |
| **Bài tập 3: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.**  *Đem con…; nồi da….; rán sành…; hồn xiêu….; một mất….; chó cắn….;tiến thoái….; thắt lưng….* | **Bài tập 3:**  *Đem con bỏ chợ; nồi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hồn xiêu phách lạc; một mất một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thắt lưng buộc bụng* |
| **Bài tập 4: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:**  a. Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống.  b. Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu.  a. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời. | **Bài tập 4:**  a. *Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào* ***gió vào nhà trống.***  *b. Năm Thọ vốn là một thằng* ***đầu bò đầu bướu.***  *c. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn* ***gan vàng dạ sắt*** *không khai nửa lời.*  \* Ý nghĩa  a. Chỉ sự tốn công vô ích  b. Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.  c. Chỉ sự sắc son, vững chí của con người. |
| **Bài tập 5:**  Hoàn thành những câu thành ngữ, tục ngữ dưới đây, chon 2 câu để đặt câu  1. Đồng ………. hợp lực. 2. Đồng sức đồng …………. 3. Một miếng khi ……….. bằng một gói khi no.  4. Đoàn kết là ……………, chia rẽ là chết.  5. Thật thà là …….quỷ quái.  6. Cây ………….không sợ chết đứng.  7. Trẻ cậy cha, già cậy……….. 8. Tre già ……….mọc 9. Trẻ người………..dạ 10. Trẻ trồng na, già trồng ……….. | **Bài tập 5:**  1. Đồng tâm hợp lực. 2. Đồng sức đồng lòng 3. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.  4. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.  5. Thật thà là cha quỷ quái.  6. Cây ngay không sợ chết đứng.  7. Trẻ cậy cha, già cậy con 8. Tre già măng mọc 9. Trẻ người non dạ 10. Trẻ trồng na, già trồng chuối  **Đặt câu:**  1. Chúng ta phải đồng sức đồng lòng thì mới vượt qua khó khăn trong giai đoạn này.  2. Tôi không lo người ta vu oan, cây ngay không sợ chết đứng mà.  d. Từ “thiết tha” có nghĩa là chỉ sự hết lòng, quan tâm, có tình cảm thắm thiết, gắn bó đến một việc gì đó.  - Cách xác định: Dựa vào ngữ cảnh “tha thiết mong anh giải quyết” |
| **Bài tập 6.** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :  *a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*  *b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*  (Báo Văn nghệ)  *c. Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.* | **Bài tập 6.**Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :  a. *Ruột nóng như cào*: rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.  b. *Ruột để ngoài da*: (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm vô tính.  c.  *Nhắm mắt làm ngơ*: cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức. |
| **Bài tập 7.** Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu: *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*            Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được. | **Bài tập 7.**Tham khảo các câu sau:  - *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)  - *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)  - *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)  Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…* |
| **II.Thực hành về biện pháp tu từ: Nói quá.** | |
| **Bài tập 1**. Tìm biện pháp nói quá trong các câu sau:  1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.  *(Nguyên Hồng)*  2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.  *(Nguyên Hồng)*  3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:  - Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!  *(Ngô Tất Tố)*  4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.  (Nam Cao)  5. Công cha như núi ngất trời  Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.  (Ca dao)  6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,  Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.  (ca dao)  7. Thương em chẳng biết để đâu  Để quán quán đổ, để cầu cầu xiêu.  (Ca dao)  8. Con rận bằng con ba ba  Nửa đêm nó ngáy cả nhà thất kinh.  Hàng xóm vác gậy đi rình  Té ra con rận trong mình bò ra.  (Ca dao)  9. Nói ngọt lọt đến xương.  (Tục ngữ)  10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,  Cắn cơm không bể, cắn tiền bể hai.  (Ca dao)  11. Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,  Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!  (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)  12. Nghe hắn ninh sượng cả mặt.  (Khẩu ngữ)  13. Làm mửa mật vẫn không xong.  (Khẩu ngữ)  14. [...] Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.  (Nam Cao, Chí Phèo)  15. Lỗ mũi mười tám gánh lông,  Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.  Đêm nằm thì ngáy o o, Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.  (Ca dao)  16. Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,  Mở miệng cười tan cuộc oán thù.  Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu  (Phan Bội Châu)  17. Tiếng hát trong như suối Ngọc Tuyền  Êm như hơi gió thoảng cung tiên.  (Thế Lữ)  18. Tiếng suối trong như tiếng hát xa  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.  (Hồ Chí Minh)  19. Đau lòng kẻ ở người đi  Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ mành.  (Nguyễn Du)  20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng  Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.  (Tố Hữu)  21. Miệng cười như thể hoa ngâu  Cái khăn đội đầu như thể hoa sen  22. Hỡi cô tát nước bên đàng  Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi  (Ca dao)  23. Rồi Đăm Săn múa khiên. Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...  24. Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sụt lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc. Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao như những vệt sao băng chớp sáng...  25. Bài toán này khó quá nghĩ nát óc không ra.  26. Tây Thi có vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành.  27. Mấy cô má đỏ hây hây Đội bông như thể đội mây về làng.  28. Đội trời, đạp đất ở đời  Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.  (Nguyễn Du)  29. Dân công đỏ đuốc từng đoàn  Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay  30. Bác ơi tim Bác mênh mông thế  Ôm cả non sông mọi kiếp người | **Bài tập 1.** Phép nói quá được in đậm:  1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là **một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.**  (Nguyên Hồng)  2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò **cười tức bụng** cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, **khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.**  (Nguyên Hồng)  3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:  - Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ **dỡ cả nhà mày đi**, chửi mắng thôi à!  (Ngô Tất Tố)  4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi **quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.**  (Nam Cao)  5. Công cha như **núi ngất trời**  Nghĩa mẹ như **nước ở ngoài biển Đông.**  (Ca dao)  6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,  **Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.**  (ca dao)  7. Thương em chẳng biết để đâu  Để quán **quán đổ**, để cầu **cầu** **xiêu**.  (Ca dao)  8. Con rận **bằng con ba ba**  Nửa đêm **nó ngáy cả nhà thất kinh**.  Hàng xóm vác gậy đi rình  Té ra con rận trong mình bò ra.  (Ca dao)  9. Nói ngọt **lọt đến xương**.  (Tục ngữ)  10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,  **Cắn cơm không bể**, **cắn tiền bể hai**.  (Ca dao)  11. Độc ác thay, **trúc Nam Sơn không ghi hết tội**,  Dơ bẩn thay, **nước Đông Hải không rửa sạch mùi**!  (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)  12. Nghe hắn ninh **sượng** cả mặt.  (Khẩu ngữ)  13. Làm **mửa mật** vẫn không xong.  (Khẩu ngữ)  14. [...] Cái cụ bá **thét ra lửa ấy** lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.  (Nam Cao, Chí Phèo)  15. **Lỗ mũi mười tám gánh lông**,  Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.  Đêm nằm thì ngáy o o, Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.  16. **Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế**,  **Mở miệng cười tan cuộc oán thù.**  Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu  (Phan Bội Châu)  17. Tiếng hát **trong như suối Ngọc Tuyền**  **Êm như hơi gió thoảng cung tiên.**  (Thế Lữ)  18. Tiếng suối **trong như tiếng hát xa**  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.  (Hồ Chí Minh)  19. Đau lòng kẻ ở người đi  **Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ mành.**  (Nguyễn Du)  20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng  **Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.**  (Tố Hữu)  21. Miệng cười **như thể hoa ngâu**  Cái khăn đội đầu **như thể hoa sen**  22. Hỡi cô tát nước bên đàng  **Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi**  23. Rồi Đăm Săn múa khiên. **Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...**  24. **Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sụt lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc.** Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao **như những vệt sao băng chớp sáng...**  25. Bài toán này khó quá **nghĩ nát óc** không ra.  26. Tây Thi có **vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành.**  27. Mấy cô má đỏ hây hây **Đội bông như thể đội mây về làng.**  28. **Đội trời, đạp đất ở đời**  Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.  29. Dân công đỏ đuốc từng đoàn  **Bước chân nát đá** muôn tàn lửa bay  30. Bác ơi **tim Bác mênh mông thế**  **Ôm cả non sông mọi kiếp người** |
| **Bài tập 2.** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.  a. Chắt lọc, lấy cái quý giá, cái tốt đẹp, tinh túy trong những cái tạp chất khác.  b. Cả gan hay làm điều gì kém cỏi, vụng về trước người hiểu biết, tinh thông tài cán hơn mình.  c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.  d. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.  e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng trước khó khăn, nguy hiểm.  g. Giống hệt nhau, đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất. | **Bài tập 2.** Tham khảo cách đặt câu sau:  a. Thành ngữ: đãi cát tìm vàng  Đặt câu: Tuyển dụng được người giỏi như công việc đãi cát tìm vàng.  b.Thành ngữ: Đánh trống qua cửa nhà sấm  Đặt câu: Tôi chỉ nghĩa sao nói vậy chứ đâu dám đánh trống qua cửa nhà sấm chứ.  c. Thành ngữ: Mặt cắt không còn giọt máu  Đặt câu: Tướng giặc nghe uy danh quân ta thì khiếp đảm mặt cắt không còn giọt máu.  d. Thành ngữ: Như hình với bóng.  - Đặt câu: Chúng tôi luôn bên cạnh nhau như hình với bóng  e. Thành ngữ: Gan vàng dạ sắt.  - Đặt câu: Hắn ta nổi tiếng là một tay gan vàng dạ sắt trong giới.  g. Thành ngữ: giống nhau như hai giọt nước  - Đặt câu: Hai đứa giống nhau như hai giọt nước. |
| **Bài tập 3**. Tìm 5 thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó. | **Bài tập 3**.  a. Đen như than: Hắn ta ở ngoài đời trông đen như than  b. Lớn nhanh như thổi: Mấy năm không gặp mà con bé đã lớn nhanh như thổi.  c. mạnh như chẻ tre: Khí thế quân ta mỗi lúc một mạnh như chẻ tre.  d. chết như ngả rạ: Trên chiến trường, hàng vạn quân giặc chết như ngả rạ.  e. Nghĩ nát óc: Bài hóa này em nghĩa nát óc mà vẫn không có cách giải. |
| **Bài tập 4**. Thay những từ ngữ nói quá trong các câu sau bằng từ ngữ thông thường mà tương ứng về nghĩa cơ bản để thấy rõ tác dụng biểu cảm của câu văn giảm sút do không dùng biện pháp nói quá.  a. Khi gật xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt **chóng lớn như thổi.**  b. Thằng ấy vào loại**rán sành ra mỡ** đấy.  c. Năm ấy mất mùa, **gạo châu củi quế**, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.  d. Trại giặc im lìm, chúng đang **ngủ say như chết.** | **Bài tập 4.** Tham khảo cách thay sau:  a. *Khi gật xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt****chóng lớn như thổi.***  **-** Thay bằng**:** lớn rất nhanh  b. *Thằng ấy vào loại****rán sành ra mỡ****đấy.*  - Thay bằng: keo kiệt  c. *Năm ấy mất mùa,****gạo châu củi quế****, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.*  - Thay bằng: giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn  d.*Trại giặc im lìm, chúng đang****ngủ say như chết.***  **-** Thay bằng**:** ngủ rất say |
| **Bài tập 5: Xác định các biện pháp nói quá sau đây:**  a.Vắt đất ra nước thay trời làm mưa  b.Con giận bằng con ba ba  Đêm nằm nó gáy cả nhà thất kinh  (Ca dao)  c. Trên đầu những rác cùng rơm  Chồng yêu chòng bảo hoa thơm rắc đầu  (Ca dao)  d.Một tiếng chim kêu sáng cả rừng  (Khương Hữu Dụng)   1. Sức ông ấy có thể vá trời lấp biển | **Bài tập 5:**  \*Gợi ý:  Các trường hợp trên đều nằm trong ba biện pháp sau đây:  -Sử dụng thành ngữ phóng đại  -Sử dụng từ ngữ mang tính chất phóng đại  -Dùng so sánh hơn kém về số lượng để phóng đại tầm vóc của sự vật |
| **Bài tập 6:** Xác định các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau đây và chỉ rõ trong mỗi trường hợp biện pháp tu từ nào là chính?  a.Chí ta lớn như biển Đông trước mặt  (Tố Hữu)  b.Mặt nhẵn như quầy hàng thịt  c.Người cao như cây sào chọc khế | **Bài tập 6:**  -Cả 3 câu a, b, c đều sử dụng hai biện pháp tu từ sau:  +So sánh tu từ  +Dùng các từ ngữ phóng đại |
| **Bài tập 7:** Phân tích hiệu quả của các trường hợp sau đây do phép nói quá mang lại:  a.Người say rượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc  b. Người sao một hẹn thì nên  Người sao chín hẹn thì quên cả mười  (Ca dao)  c.Tiếng hát át tiếng bom. | **Bài tập 7:** a. Ngàn cân treo sợi tóc: là cách nói hình ảnh phi thực tế để giúp người đọc nhận thức mức độ nguy hiểm của việc một cách cụ thể nhất  b. Hẹn chín mà quên mười là hoàn toàn không có thật trong thực tế. Chính là cách nói phóng đại quá sự thật này đã nhấn mạnh thái độ trách móc đối với sự “quên” của người hẹn  c. Đây là một cách nói quá bằng hình ảnh để diễn tả niềm tin, sự lạc quan, sự sống, sự chiến thắng vượt lên trên gian khổ hi sinh trong chiến đấu |
| **Bài tập 8:**Tìm một số trường hợp nói quá sử dụng trong cuộc sống hàng ngày | **Bài tập 8:** -Tóc cậu ấy tốt như rừng  -Gặp người nghiện ma túy hết cả hồn  -Nhiều kẻ bán trời không văn tự |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu kiến thức về thành ngữ và biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện ở nhà bài tập dự án: Lập sổ tay ghi nhớ về các thành ngữ em sưu tầm được.

Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 15 câu, có sử dụng thành ngữ và phép nói quá, gạch chân chú thích dưới câu có chứa thành ngữ và phép nói quá đó.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Học sinh thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu bài tập yêu cầu hs đọc và nêu yêu cầu bài tập:

Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 15 câu, có sử dụng phép nói quá, gạch chân chú thích dưới câu có chứa phép nói quá đó.

- Yêu cầu: Học sinh thực hiện cá nhân

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc bài tập, suy nghĩ trả lời câu hỏi

- Giáo viên gợi ý:

+ Hình thức đoạn văn

+ Nội dung cần có là sử dụng phép nói quá.

+ Các câu trong đoạn văn được nối tiếp theo trình tự rõ ràng, hợp lý nhằm làm cho chủ đề liền mạch.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

+ HS trình bày sản phẩm học tập

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá , kết luận**

+ HS đánh giá, nhận xét theo bảng kiểm giáo viên đưa ra

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Có** | **Không** | **Mức điểm**  ( Mỗi tiêu chí 1,0 điểm) |
| 1. Đảm bảo hình thức đoạn văn. |  |  |  |
| 1. Đảm bảo số dòng. |  |  |  |
| 1. Đúng chủ đề, xuyên suốt, liên tục toàn đoạn văn. |  |  |  |
| 1. Ý kiến sâu sắc |  |  |  |
| 1. Có sử dụng biện pháp tu từ nói quá. |  |  |  |
| 1. Chữ viết đúng chính tả |  |  |  |
| 1. Câu văn có sự liên kết. |  |  |  |
| 1. Trình bày rõ ràng, sạch đẹp |  |  |  |
| 1. Có sử dụng thành ngữ |  |  |  |
| 1. Lập luận chặt chẽ, hợp lí, thuyết phục. |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**VIẾT**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG (Trình bày ý kiến tán thành)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Học sinh được ôn tập, củng cố nâng cao năng lực viết nghị luận về vấn đề trong đời sống**.**

- Nắm vững quy trình viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống.

- Biết viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Biết sáng tạo, linh hoạt khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

**- Trách nhiệm**: Có tinh thần trách nhiệm cao đối với những ý kiến tán thành về những vấn đề có ý nghĩa trong đời sống.

- Có ý thức chăm chỉ học tập.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng (Ti vi).

- Bảng phụ, Giấy A0, bút lông, bút dạ.

- Bảng kiểm, rubrics đánh giá bài viết của học sinh.

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung**: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

* GV chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh và đặt câu hỏi: Những hình ảnh sau làm em liên tưởng đến sự việc, hiện tượng gì diễn ra trong cuộc sống hằng ngày?

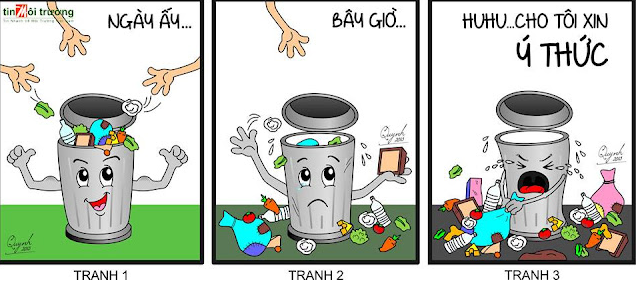
**Hình 1:**



**Hình 2:**



**Hình 3:**



**Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ

* HS quan sát và trả lời câu hỏi

**Bước 3**: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

* GV mời một vài HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

Dự kiến sản phẩm:

+ Hình 1: Ham mê trò chơi điện tử.

+ Hình 2: Hội chứng cuồng “thần tượng”

+ Hình 3: Xả rác bừa bãi

**Bước 4**: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.
* GV dẫn dắt nêu nhiệm vụ buổi ôn tập

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**HOẠT ĐỘNG 2. 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập, khắc sâu cho học sinh định hướng về quy trình, các bước viết bài văn viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Học sinh thực hiện các bước theo quy trình và viết được bài văn hoàn chỉnh.

**b. Nội dung:** Học sinh chia sẻ cặp đôi hoàn thiện phiếu HT1, viết sáng tạo cá nhân theo dàn ý.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập hoàn thiện của HS, bài viết hoàn chỉnh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi phiếu HT1**  *1, Thế nào là viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống? (đặc điểm kiểu bài)*  *2, Các yếu tố trong bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống được yêu cầu ra sao? (Vấn đề bàn luận, hệ thống luận điểm, luận cứ)*  *3, Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, em cần chú ý thực hiện những gì?*  **\*Bước 2:** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi:  - Từng cặp đôi trả lời câu hỏi theo hình thức chia sẻ kết quả thảo luận của mình:  + Một học sinh hỏi.  + Một học sinh trả lời.  + Cuối cùng người hỏi cùng thống nhất với người trả lời về nội dung.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi.  **\*Bước 3:** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý | 1. **I. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:**   **1. Định nghĩa: Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống là một văn bản nghị luận mà trong đó người viết nêu lên và trình bày ý kiến của mình (tán thành hay phản đối) về một vấn đề nào đó của đời sống bằng cách đưa ra được lí lẽ rõ ràng kết hợp bằng chứng đa dạng để thuyết phục người đọc, người nghe.**  **2. Các yếu tố chính trong bài văn nghị luận về một vấn đề đời sông:**  - Vấn đề nghị luận: Thuộc chủ đề, đề tài gì?  - Luận điểm: Là nội dung chính của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  - Luận cứ: Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng và phân tích, bình luận… để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận (ý kiến)  + Yêu cầu của lí lẽ trong văn bản nghị luận: Lí lẽ phải ngắn gọn, thuyết phục thể hiện được suy nghĩ của người viết về vấn đề, lí lẽ phải có tính khách quan phổ biến thuyết phục người đọc bằng lẽ phải, chân lí khoa học.  + Bằng chứng trong văn bản nghị luận: là những sự thật (nhân vật, sự kiện, tư liệu,... đảm bảo tính xác thực có giá trị lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học,…) và bằng chứng phải phù hợp với vấn đề nghị luận.  **3. Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) , cần chú ý:**  - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.  - Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận.  - Tập trung làm nổi rõ sự tán thành của mình thông qua các lý lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.  - Thể hiện thái độ dứt khoát khi thể hiện quan điểm của mình.  - Bài viết có bố cục đầy đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. |

**HOẠT ĐỘNG 2.2: THỰC HÀNH:**

**a. Mục tiêu:** Học sinh được luyện, nâng cao kĩ năng viết bài văn viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** HS thực hiện theo kĩ thuật mảnh ghép thực hiện yêu cầu đề bài cụ thể.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Giáo viên chiếu đề bài**  **Đề 1**: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?  **Đề 2**: Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng lại là một thảm họa  **Yêu cầu thực hiện theo gợi ý của phiếu học tập đã giao ở buổi học trước**  Tổ 1: Học sinh thuộc tổ 1 thực hiện nhiệm vụ với bài 1.  Tổ 2: Học sinh thuộc tổ 2 thực hiện nhiệm vụ với bài 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *\**HS chuẩn bị thực hiện với đề bài trên: Định hướng, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa chữa.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo cá nhân và thảo luận bổ sung cho nhau.  **\***GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những việc cần thực hiện cho các khâu chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài và kiểm tra, chỉnh sửa..  **Bước 4.** **Đánh giá, kết luận :**  - Cho HS đánh giá bài viết của bạn và bản thân theo tiêu chí bảng kiểm.  - HS trên cơ sở góp ý đánh giá tự kiểm tra và chỉnh sửa lại bài viết.  - GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **II. Thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống:**  **1.Xác định vấn đề nghị luận:**  - Vấn đề cần trình bày suy nghĩ (nghị luận) mà đề yêu cầu là gì? Phần mở bài em dự kiến giới thiệu như thế nào cho trúng yêu cầu?  - Chỉ nêu khái quát, ngắn gọn một số biểu hiện tiêu biểu, không kể lễ dài dòng.  **2. Xác định mục đích viết:** cần trả lời câu hỏi: Viết cho ai đọc? Viết để làm gì?  - Đối tượng người đọc: Những người quan tâm đến vấn đề được bàn luận.  - Viết để bày tỏ sự tán thành với một ý kiến nào đó, đưa ra những lí lẽ dẫn chứng phù hợp để tạo sức thuyết phục mọi người đồng tình với quan điểm của bản thân, từ đó rút ra ý nghĩa của vấn đề được tán thành.  **3. Tìm ý và lập dàn ý:**  **\*Tìm ý:** Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi:  - Vấn đề gì được nêu ra bàn luận?  - Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào?  - Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?  - Vì sao bày tỏ thái độ tán thành?  - Những lí lẽ bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?  **Ví dụ:**  + Vấn đề bàn luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?  + Giải thích thế nào là trò chơi điện tử.  + Trình bày thực trạng ham mê trò chơi điện tử.  + Nguyên nhân hiện tượng ham mê trò chơi điện tử.  + Hậu quả ham mê trò chơi điện tử.  + Lựa chọn nên hay không nên ham mê trò chơi điện tử.  + Những lí lẽ và bằng chứng: trong cuộc sống, …  **\*Lập dàn ý:** Lựa chọn, sắp xếp ý theo bố cục ba phần.  **- Mở bài:** Giới thiệu vấn đề đời sống cần bàn trong bài nghị luận và nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận.  **- Thân bài:**  + Giải thích những từ ngữ, khái niệm quan trọng. Nếu bài viết bàn về một câu tục ngữ, danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa cả câu.  + Khẳng định ý kiến tán thành của người viết về vấn đề.  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến được nêu bằng các ý:  ++ Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ + bằng chứng)  ++ Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ + bằng chứng)….  - Lật lại vấn đề: nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá những ngoại lệ, bổ sung ý cho vấn đề thêm toàn vẹn.  **- Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến. Đề xuất giải pháp, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động.  **4. Viết bài theo dàn ý hợp lí:**  **-** Dựa vào dàn ý đã lập viết bài văn hoàn chỉnh.  - Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Trình tự lập luận phù hợp; lí lẽ xác đáng, sắc bén, thuyết phục.  - Có thể sử dụng các trích dẫn, danh ngôn để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Cần đan xen yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp. Thể hiện quan điểm, lập trường của người viết trước vấn đề.  **5. Kiểm tra và chỉnh sửa:** Kiểm tra chỉnh sửa bài viết cả về hình thức, nội dung theo tiêu chí. |

**Bảng kiểm**

**ĐÁNH GIÁ BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Mở bài | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận |  |  |
| **2** | Nêu được ý kiến về vấn đề cần bàn luận |  |  |
| **3** | Thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của câu danh ngôn, tục ngữ cần bàn luận (nếu có) |  |  |
| **4** | Nêu được ít nhất hai lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ để làm rõ ý kiến |  |  |
| **5** | Nêu được bằng chứng đa dạng, thuyết phục để củng cố cho lí lẽ. |  |  |
| **6** | Sắp xếp lại các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lý. |  |  |
| **7** | Lật lại vấn đề, bổ sung ý kiến để cách nhìn về vấn đề thêm toàn diện |  |  |
| **8** | Kết bài | Khẳng định lại ý kiến của mình. |  |  |
| **9** | Đề xuất giải phảp, bài học nhận thức và phương hướng hành động. |  |  |
| **10** | Bài viết đã bám sát dàn ý đã lập chưa. | |  |  |
| **11** | Đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, các đoạn trong văn bản chưa. | |  |  |
| **12** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. | |  |  |

**PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** |
| Phát hiện và sửa ý về trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý | … |
| Các ý cần bổ sung | … |
| Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý | … |
| Sắp xếp lại ý lộn xộn | … |
| Sửa lại các ý lạc đề | … |
| Sửa lại các ý tản mạn | … |
| Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ | … |
| Lỗi viết câu | … |
| Lỗi chính tả | Lỗi chính tả | … |

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

**Đề bài 1: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

**2. Thân bài:**

a. Giải thích

+ Trò chơi điện tử là gì

+ Hiện tượng học sinh quá đam mê trò chơi điện tử

b. Thực trạng

+ Học sinh ham mê trò chơi điện tử bỏ bê học tập, nói dối phụ huynh

+ Ham mê trò chơi điện tử trên diện rộng, học sinh bắt chước nhau

+ Các quán net mọc lên như nấm từ cổng trường cho đến các khu dân phố, mở cửa 24/7 luôn sẵn sàng phục vụ

c. Nguyên nhân

+ Do mải chơi

+ Do quá căng thẳng việc học tập

+ Do bị dụ dỗ

d. Hậu quả

+ Học hành chểnh mảng

+ Nói dối để được đi chơi điện tử

+ Hành vi ăn cắp, ăn trộm tiền để đi chơi điện tử

+ Đàn đúm, đua đòi, tốn thời gian tiền bạc, dễ bị lừa bởi tội phạm công nghệ cao

e. Mở rộng vấn đề: Chơi giỏi game cũng là nghề kiếm tiền

**3. Kết bài:** Khái quát lại vấn đề nghị luận

**Bài văn tham khảo:**

Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ, các trò chơi điện tử ngày càng đa dạng và phổ biến hơn. Đây là một hình thức giải trí vừa có ưu và nhược điểm rõ rệt.

Trò chơi điện tử chính là giúp người chơi được giải trí, thư giãn đầu óc. Sau các giờ học tập, làm việc mệt nhọc, thì việc được chơi trò chơi yêu thích sẽ giúp giảm bớt căng thẳng, đem đến cảm giác vui vẻ và dễ chịu. Đặc biệt là khi chơi trò chơi cùng lúc với những người bạn bè của mình. Tình cảm bạn bè sẽ theo đó trở nên gắn bó và gần gũi hơn.

Ngoài ra, các trò chơi điện tử còn giúp chúng ta làm quen và kết bạn thêm với những người bạn mới, ở các khoảng cách địa lí xa xôi, hiểm trở. Chỉ cần cùng chơi một trò chơi, tham gia cùng một hoạt động đoàn đội, là những con người ở những nơi khác nhau, chưa từng gặp gỡ cũng có thể trở nên thân thiết hơn. Điều đó giúp cho người chơi không cần phải đi xa mà vẫn có thể có thêm nhiều bạn bè. Đặc biệt, các trò chơi điện tử hiện nay còn giúp phát triển trí tuệ cho người chơi, đặc biệt là các bạn thanh thiếu niên. Bởi vì các trò chơi điện tử cũng cần có sự tư duy, sắp xếp, nghiên cứu làm sao để phát triển nhân vật, và chiến thắng trong các cuộc thi. Vì vậy, chơi trò chơi giúp cho người chơi phát triển tư duy và phản xạ. Đồng thời còn giúp tăng khả năng hợp tác, làm việc nhóm với người khác.

Trò chơi điện tử có rất nhiều lợi ích tốt nhưng bên cạnh đó, nó cũng tồn tại nhiều tác hại cần phải lưu ý. Đầu tiên, việc chơi trò chơi điện tử có thể tiêu tốn rất nhiều thời gian của người chơi. Đặc biệt, nó còn dễ khiến người chơi bị sa vào, không thể kiểm soát được. Từ đó, khiến cho thời gian dành cho trò chơi tăng lên, và thời gian cho các công việc khác trong ngày bị thu hẹp lại, khiến cho hiệu suất học tập, làm việc bị giảm đi.

Đồng thời, các trò chơi với sự hấp dẫn lớn sẽ dễ dàng chiếm trọn tâm trí người chơi. Khiến họ lúc nào cũng nghĩ về trò chơi, về những điều sắp xảy ra, về chiến lược làm sao để nhanh tăng cấp. Từ đó vô tình khiến cho họ luôn nghĩ về trò chơi mà chểnh mảng trong học tập và rèn luyện. Khiến hiệu quả của việc học giảm sút.

Cùng với đó, cũng không ít người còn tiêu tốn tiền bạc vào các trang bị, sự kiện của trò chơi. Và số tiền đó nhiều khi là không hề nhỏ. Đôi khi nó khiến người chơi - nhất là các bạn nhỏ có các hành vi không đúng để có tiền nạp game. Như trộm tiền mẹ, cướp tiền của bạn học, ghi nợ… Đó đều là những điều vô cùng tiêu cực.

Đặc biệt, nhiều người chơi trò chơi điện tử vì quá đắm chìm vào thế giới ảo đó, mà quên đi cuộc sống thực tại bên ngoài. Họ thỏa mãn với nhân vật trong trò chơi, với những người bạn ở trên đó dù chưa gặp một lần. Rồi ít nói và giao tiếp với những người xung quanh hơn, lúc nào cũng cắm mặt vào điện thoại, máy tính. Dần dần trở nên o bế và cô độc.

Như vậy, trò chơi điện tử có những tác hại đáng ngại nhưng cũng có nhiều lợi ích tốt. Vì vậy chúng ta phải biết cân đối giữa việc chơi game và cuộc sống thực, để phát huy tối đa các lợi ích tốt và giảm thiểu hết mức các tác hại mà nó đem lại.

**Bài văn tham khảo 2:**

**Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh đang là vấn đề khá nhức nhối, được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là các bậc phụ huynh có con nhỏ "nghiện" điện tử.**

Hiện nay, trò chơi điện tử đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các bạn trẻ trên toàn thế giới. Bất kì nơi nào, bất kì ở đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với giá vài nghìn đồng, hay còn gọi là quán net, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Trong quán net thậm chí còn phục vụ cả đồ ăn thức uống, chỗ ngủ qua đêm cho những thượng đế được hoàn toàn tập trung vào công cuộc "cứu thế giới". Từ cổng trường tập trung nhiều học sinh đến những con ngõ nhỏ hẻo lánh, hình thức kinh doanh này đều có đất làm ăn. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game.

Việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lẻn ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trót lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net, ép nữ sinh bán dâm trả nợ. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê, lên mặt với đời.

Nghiện trò chơi điện tử bắt nguồn từ bản thân ý thức mỗi học sinh. Có những bạn vì học hành áp lực, quá căng thẳng mệt mỏi hoặc cảm thấy bản thân bất tài, vô dụng thường tìm đến game như một con đường giải thoát. Sau một màn hình máy tính, các bạn được thoải mái, mặc sức đâm chém, xây dựng cả một đế chế cho mình. Nắm bắt được tâm lý này, các nhà phát triển game không ngừng trau chuốt hình ảnh, đồ họa, mở thêm nhiều cấp độ mới, đồ dùng, trang thiết bị ảo mà phải dùng tiền mới mua được, khiến các bạn ngày càng hiếu thắng, lún sâu vào con đường nghiện ngập. Sự mải chơi, bị dụ dỗ bởi bạn bè xấu cùng tính hấp dẫn của trò chơi điện tử khiến hiếm học sinh nào có thể từ chối được. Giống như một loại ma túy tinh thần, các bạn chơi game sẽ không thể sống nếu không được chơi, được thỏa mãn đam mê giao đấu, chiến thắng trong thế giới ảo.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần, người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chắn hẳn không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cắt cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, quan hệ tập thể, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải.

Nghiện game là một căn bệnh, muốn chấm dứt cần có sự can thiệp về tâm lý của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh cần quản lý giờ giấc và thói quen sinh hoạt của con em chặt chẽ, nhà trường cần quán xuyến, đồng thời tổ chức những trò chơi, giao lưu hoạt động thể chất lành mạnh thu hút sự chú ý của các em. Đặc biệt, mỗi học sinh cần tự có ý thức tiết chế bản thân, tìm đến game với đúng mục đích giải trí, tăng cường tư duy của nó. Game không có tội, người nghiện game mới có tội nên hãy nhìn lại bản thân, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời trước khi quá muộn.

Phải thừa nhận, trò chơi điện tử có cả mặt lợi và mặt hại, tuy nhiên, việc quá đam mê điện tử để sao nhãng học tập thì hoàn toàn sai, nhất là lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kĩ năng sống và học tập. Là công dân toàn cầu tương lai, là mầm non của xã hội, đừng núp mình và làm nô lệ cho công nghệ, hãy chinh phục game và áp dụng nó vào đời sống, để trò chơi điện tử trở thành đúng bản chất giải trí lành mạnh ban đầu.

**Đề 2: Hiện tượng bàn luận: Thần tượng một ai đó nên hay không nên?**

Văn hóa thần tượng hiện nay vô cùng phát triển ở nước ta cũng như trên toàn thế giới, đặc biệt là với lứa tuổi thanh thiếu niên. Như vậy, thì việc thần tượng một ai đó là nên hay không nên?

Việc chúng ta thần tượng một người nào đó là việc nên làm, bởi nó đem đến rất nhiều lợi ích cho bản thân mình. Bởi thường những người được chọn để thần tượng sẽ là người đạt được thành tích nào đó nổi bật trong cuộc sống. Như một diễn viên nổi tiếng, một học sinh giỏi xuất sắc, một cô công an tài giỏi… Sự thành công của họ khiến chúng ta ngưỡng mộ và kính mến, nên dần thần tượng họ. Việc này khiến chúng ta trở nên khao khát được lại gần và trở nên tài giỏi như thần tượng của mình. Từ đó, thôi thúc chúng ta học tập và rèn luyện chăm chỉ hơn, đạt được các thành tích tốt hơn để có thể xứng đáng với thần tượng của mình.

Ngoài ra, việc có một thần tượng xuất chúng, còn khiến các bạn trẻ có động lực học tập, làm việc hơn trong cuộc sống. Họ sẵn sàng học hành chăm chỉ hơn, làm việc hiệu suất hơn trước để có thể nhận được những phần quà, phần thưởng là các món đồ lưu niệm liên quan đến thần tượng, hay được đến các buổi giao lưu, gặp gỡ thần tượng. Hiệu ứng ấy vô tình khiến cho hiệu suất và hiệu quả của việc học tập, làm việc tăng lên đáng kể. Điều này rất dễ gặp ở xung quanh chúng ta. Như các em học sinh vì muốn được bố mẹ mua cho album của thần tượng, mà quyết tâm học tập ngày đêm để đạt được điểm cao trong kì thi theo mục tiêu bố mẹ đề ra. Đây thực sự là một kết quả tích cực.

Cùng với đó, việc có một thần tượng cho bản thân mình. Để hâm mộ, yêu thương và theo dõi bước chân của họ mỗi ngày cũng giúp chúng ta có thêm niềm vui trong cuộc sống. Nó giống như một hoạt động giải trí, đem đến những giờ phút vui vẻ rất riêng biệt. Đồng thời, nó còn giúp chúng ta có thêm nhiều bạn bè hơn nữa - đó là những người cùng chung thần tượng với chúng ta. Việc cùng yêu thích một người nổi tiếng, sẽ giúp gắn kết mọi người lại với nhau, trở nên thân thiết hơn.

Bên cạnh các lợi ích như vậy, việc có một thần tượng cũng đem đến một số tác hại đáng kể đến. Đầu tiên, là việc tiêu tốn thời gian và tiền bạc. Việc có một thần tượng để yêu quý và theo dõi, sẽ khiến chúng ta mất khá nhiều thời gian trong ngày để nắm bắt các hoạt động và sự kiện mà họ tham gia. Đặc biệt là các mùa giải mà họ thi đấu, cần cạnh tranh với các đối thủ khác. Khi đó các cuộc cạnh tranh về lượt xem, lượt bình chọn diễn ra quyết liệt khiến các người hâm mộ tốn nhiều công sức, thời gian. Đồng thời, việc mua các món đồ lưu niệm, món đồ do thần tượng tham gia đại ngôn cùng các vé xem sự kiện, buổi biểu diễn của thần tượng cũng tốn không ít tiền bạc. Khiến rất nhiều bạn trẻ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến trộm cắp tiền của bố mẹ, hay lấy tiền học, tiền sinh hoạt để sử dụng.

Cùng với đó, có một bộ phận các bạn trẻ đã có sự thần tượng quá mức, đến không thể kiểm soát được bản thân. Trở thành fan cuồng có các hành động tiêu cực khiến người xung quanh khó chịu. Như sưu tầm mọi đồ vật liên quan đến thần tượng mặc kệ giá cả. Bảo vệ thần tượng bất chấp lí do, hậu quả, dù họ đã làm sai chuyện gì. Xem thường, chửi mắng, hạ thấp thần tượng của người khác để nâng cao thần tượng của mình lên. Các hành động ấy đều khiến cho bản thân chúng ta bị mọi người chán ghét.

Như vậy, việc có một thần tượng cho bản thân vừa có ưu vừa có nhược điểm. Vì vậy, chúng ta vẫn nên có một thần tượng nhưng cần phải biết kiểm soát bản thân để các ưu điểm được phát huy hết mức có thể và giảm tải tối đa những nhược điểm của nó.

**Đề 3: Trong khi nhiều bạn chăm chỉ học tập, rèn luyện thì vẫn còn không ít bạn thờ ơ, lười học tập. Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ gì về hiện tượng trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| Vấn đề cần trình bày suy nghĩ (nghị luận) mà đề yêu cầu là gì? Phần mở bài em dự kiến giới thiệu như thế nào cho trúng yêu cầu? | **1. Mở bài**  - Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: hiện tượng lười học của học sinh.  Ví dụ: (đi từ truyền thống đến thực tế)  Dân tộc VN có nhiều truyền thống quý báu mà nhiều dân tộc khác phải ngưỡng mộ, thán phục như: Giàu tình yêu thương, đoàn kết, cần cù, hiếu học…tuy nhiên vẫn còn một bộ phận giới học sinh vẫn thơ ơ, lười học tập, suy nghĩ. Thực trạng này biểu hiện khá phổ biến ở mọi cấp học khác nhau. |
| - Chỉ nêu khái quát, ngắn gọn một số biểu hiện tiêu biểu, không kể lễ dài dòng. | **2. Thân bài**  **a. Nêu ra một số biểu hiện**  - Trên lớp không có tinh thần học tập, không xây dựng bài  - Về nhà không chịu học bài, làm bài.  - Mơ màng đến những thứ khác khi đến trường  - Đến trường thì không tập trung  - Không có tinh thần cầu tiến trong học tập  - Bỏ học, trốn học, bỏ tiết… |
| - Cần chia ra nhiều khía cạnh để dễ dàng tìm ra lí lẽ (nguyên nhân thực chất là lí lẽ). Tìm ra càng nhiều nguyên nhân thì bài văn càng có sức thuyết phục, lí lẽ càng sắc bén.  - Để bài văn thêm sức thuyết phục thì phải lấy ví dụ c ụ thể, tiêu biểu. Ví dụ càng cụ thể thì sức thuyết phục càng cao.  - Tuy nhiên nếu không có ví dụ cụ thể thì lấy ví dụ chung chung.  Ví dụ: Dù đợc cha mẹ, gia đình tạo mọi điều kiện học tập nhưng vì ham mê những thứ khác mà không ít bạn học sinh phải trả giá bằng tương lai mườ mịt, cánh cửa tương lai đóng lịa cánh cửa nhà tù, trại giam mở ra… | **b. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lười học:**  - **Do cá nhân học sinh**: lười nhác học tập, bị lôi kéo, nghiện game, học tập đua đòi theo bạn bè, không có mục dích phấn đấu, không có ước mơ,….  **- Gia đình**: cha mẹ không yêu thương chăm sóc con cái, tạo áp lực cho con trong học tập làm con chán nản, chưa có sự quan tâm đến con cái,….  - **Nhà trường**: thầy cô giáo chưa tạo được sự hứng thú trong học tập đối với học sinh, có nhiều cách dạy bảo thủ, chương trình học nặng nề, áp lực thành tích,…; chưa có hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với những học sinh lười học  **- Xã hội:** Chưa xây dựng xây dựng những hình thức xử phạt để nhà trường thuận lợi hơn trong việc giáo dục con người. thậm chí còn tạo áp lực cho nhà trường để con em được lên lớp |
| - Hậu quả cũng có thể chia ra nhiều khía cạnh. Có thể chia theo khía cạnh: cá nhân/ gia đình/ nhà trường/ xã hội. | c. ***Hậu quả- tác hại***  - Chất lượng giáo dục đi xuống, tạo lỗ hổng kiến thức cho các em.  - Các em có những hiểu biết sai lệch về các vấn đề trong cuộc sống.  - Việc lười biếng không chịu trau dồi kiến thức của thế hệ học sinh dẫn đến hệ lụy nước nhà ngày càng thiếu đi nhân tài.  - Lười học sẽ là một trong những nguyên nhân khiến mỗi người khó tìm thấy cơ hội tốt trong cuộc sống. |
| - Nguyên nhân nào thì đưa ra giải pháp đó.  Ví dụ: nguyên nhân do khía cạnh cá nhân thì giải pháp cũng bắt đầu từ cá nhân… | ***d. Giải pháp***  - Mỗi bạn học sinh cần có ý thức tự rèn luyện bản thân và tích cực học tập.  - Gia đình cần quan tâm nhiều hơn đến con em mình, đốc thúc con em học tập, hạn chế tối đa việc sử dụng mạng xã hội… nhất có thể.  - Nhà trường cần giao bài tập vừa đủ và hợp lí để các em rèn luyện, ôn tập (không quá ít cũng không quá nhiều).  - Xã hội cần có hình thức lên án mãnh mẽ đối với những HS lười học |
| - Qua hiện tượng đó em nhận thức được gì? Tức là em hiểu được gì qua hiện tượng lười học?  - Nhận thức rồi thì em sẽ hành động thế nào? Với những bạn lười học và với chính bản thân mình. | **d. Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức đúng giá trị của việc học trong việc xây dựng tương lai bản thân và nền móng đất nước  - Hành động: Từ bỏ những thói qwuen xấu ảnh hưởng đến việc học; phê phán thái độ lười nhác trong học tập, biểu dương, học tập những tấm gương chăm chỉ học tập… |
| - Đưa ra suy nghĩ của mình để khẳng định vấn đề mình vừa trình bày. Việc lười học là tốt hay xấu, đúng hay sai, nên hay không. Từ đó đưa ra lời khuyên | **3. Kết bài.**  - Khẳng định vấn đề lười học là một việc làm gây hại cho bản thaanm, gia đình, nhà trường, xã hội  - Phải thay đổi suy nghĩ, phải từ bỏ thói quen xấu để bắt đầu lại. |

Học tập là việc suốt đời

**Biểu hiện:** Thật không khó để nhận thấy các em học sinh hiện nay lơ là trong học tập mà chỉ tập trung vào những thú vui tiêu khiển ở bên ngoài như chơi điện tử, lên mạng xã hội. Hầu như bạn học sinh nào cũng có một mạng xã hội là Instagram, Facebook, và thời gian sử dụng mạng xã hội rất nhiều. Nhiều bạn đến trường không chú ý việc học mà chỉ để trốn tránh việc nhà, xem việc học như một gánh nặng cho bản thân… Kèm theo đó là tỉ lệ học sinh nghỉ học, bỏ học sớm vẫn còn cao.

**Nguyên nhân** Vậy vì sao lại có những biểu hiện như thế? Trước hết là do bản tính hiếu thắng, tò mò của các em muốn biết nhiều thứ trên mạng xã hội, lại thêm tính ham chơi, đua đòi cho bằng bạn bè, thích thể hiện.. Đôi lúc là do việc có quá nhiều bài tập dẫn đến tình trạng chán nản không muốn làm. Các bạn ấy không tìm thấy thú vui khi đến trường, không nhận thức được đuáng giá trị, ý nghĩa của việc học. Các bạn ấy cho rằng gia đìnhcó điều kiện, bố mẹ sẽ lo cho tương lai của mình đầy đủ…Ngoài ra nguyên nhân còn là do sự ham chơi ở tuổi ăn tuổi lớn. Một trong những nguyên nhân không thể không nhắc đến đó là sự thiếu quan tâm của gia đình khi bố mẹ bận rộn kiếm tiền; nhà trường tạo nhiều áp lực về học tập khiến các em chán nản

**Hậu quả** của việc lười học của học sinh đó là chất lượng giáo dục ngày càng đi xuống, tạo lỗ hổng kiến thức cho các em. Các em sẽ có những hiểu biết sai lầm, lệch lạc về các vấn đề trong cuộc sống từ đó dẫn đến hành động sai trái, khó tìm thấy cơ hội tốt cho tương lai, thành tích nhà trường sẽ lao dốc, gia đình cũng trử thành nơi bị chỉ trích, phê bình vì thiếu quan tâm con cái… Việc lười biếng không chịu trau dồi kiến thức của thế hệ học sinh dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng là nước nhà ngày càng thiếu đi nhân tài. Trong cuộc sống ta gặp không ít nhưng trường hợp do lười học, ham chơi, thích đua đòi mà phải trả cái giá rất đắt cho tương lai, sự nghiệp.

**Giải pháp:** Để khắc phục tình trạng này đòi hỏi mỗi bạn học sinh cần có ý thức tự rèn luyện bản thân và tích cực học tập. Phải lấy việc học trở thành động lực mạnh mẽ, thi đua không ngừng. Bên cạnh đó, gia đình cần quan tâm nhiều hơn đến con em mình, đốc thúc con em học tập, hạn chế tối đa việc sử dụng mạng xã hội nhất có thể. Nhà trường cần giao bài tập vừa đủ và hợp lí không quá ít cũng không quá nhiều để các em rèn luyện, ôn tập và tạo cảm hứng để các em yêu thích việc học. Từng có câu: "Ngọc không mài không sáng, người không học không hiểu lí lẽ", việc học có ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của mỗi người. Một con người nếu không được học tập thì khó mà đứng vững trên đường đời. Gia đình, cha mẹ quá nuông chiều con cái, chưa có sự quan tâm cần thiết với quá trình học tập của học sinh, tạo áp lực quá nhiều cho con trong việc học hành mà không quan tâm đến cảm giác và suy nghĩ của con mình Nhà trường: thầy cô giáo chưa tạo được sự thu hút học sinh vào học tập, chưa đánh trúng tâm lí học sinh, còn nhiều cách dạy bảo thủ. Mặt khác, chương trình học quá nặng với học sinh, áp lực từ nhiều phía, theo tâm lý: không học thêm thì học không giỏi khiến học sinh chỉ biết cắm đầu học mà không biết mình học vì cái gì và tiếp thu được gì.

**Bài học nhận thức và hành động:** Nhận thức được giá trị và ý nghĩa của việc học là góp phần xây dựng tương lai, xây dựng quê hương đất nước thêm giàu mạnh. Ngược lại con đương phái trước vốn gập ghềnh trắc trở càng sẽ trở nên khó khăn hơn cho những bạn lười học. Tương lai của mỗi người phải do chính mình quyết định chứ không phải là sự ban phát từ cha mẹ, thầy cô hay xã hội dù bạn sống ở Việt Nam hay sống ở những nước tiên tiến nhất thế giới.

**Kết bài:** Học tập không những là nghĩa vụ mà còn là trách nhiệm của mỗi người. Nó liên quan đến sự hưng thịnh, tồn vong của mỗi dân tộc vì thế ngay bây giờ, ngay lúc này, mỗi người hãy tự nhìn nhận lại bản thân xem mình đã học tập say mê hết mình chưa? Đã có ước mơ hoài bão và khát vọng chưa?

**Tham khảo bài viết từ học sinh**

Thế giới ngày càng phát triển, trong số đó có không ít người đã tạo dựng nên cho mình một xu hướng riêng biệt tạo nên thành công cho chính mình. Những con người ấy là hình mẫu lý tưởng cho những người khác tin tưởng và noi theo. Họ chính là thần tượng trong mắt những người yêu mến họ. Thế nhưng bên cạnh những điểm tốt, thần tượng còn có những mặt hạn chế tiêu cực. Mỗi người chúng ta phải biết lựa chọn làm sao để trở thành một người hâm mộ chính đáng.

    Con người trong cuộc sống của mình luôn hướng tới những chân thiện mỹ, những điều tốt đẹp hơn. Chính vì thế mà chúng ta mới sùng bái, yêu mến, ngưỡng mộ một ai đó và mong muốn được trở nên tốt đẹp như họ. Vậy “thần tượng” là một hình mẫu lý tưởng, một người hay vật nào đó được tôn sùng, ngưỡng mộ, yêu quý. Thần tượng sẽ trở thành kim chỉ nam dẫn đường cho mỗi người trong cuộc sống của họ. Mỗi người có một thần tượng khác nhau của riêng mình, có thể ở nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh doanh, thể thao, giải trí,… Nhưng có lẽ thần tượng được phổ biến rộng rãi nhất là ở trong lĩnh vực âm nhạc và giải trí. Việc thần tượng này đã dẫn tới một trào lưu mới, lan rộng trong giới trẻ, gọi là hiện tượng idol. “Hiện tượng idol” không còn đơn thuần chỉ là hình thức thần tượng một ai đó mà nó là một kiểu phong trào a dua, đua đòi của một số thành phần trong xã hội. Hiện tượng này đã dẫn tới một số hệ quả đáng tiếc trong cuộc sống của chúng ta.

    Ngày nay, khi sức mạnh công nghệ thông tin được lan tỏa, chúng ta có thể cập nhật được nhanh chóng những tin tức mới nhất ở những nơi xa nhất. Điều đó mang lại cho chúng ta sự phát triển liên tiếp và kịp thời đối với thế giới. Và điều đó cũng giúp chúng ta tiếp cận được nhiều thông tin hơn từ thần tượng của mình. Hâm mộ một thần tượng đúng nghĩa là học tập từ người đó những điều tốt đẹp, những nghĩa cử ý nghĩa, lối sống văn minh,… Thế nhưng nhiều người vẫn chưa nhận thức hết được thế nào là một thần tượng đúng nghĩa. Đôi khi họ trở thành những kẻ cuồng si thái quá gây nên những hậu quả đáng tiếc. Một số thần tượng xấu với lối sống buông thả, trụy lạc trở thành một tấm gương xấu cho người hâm mộ. Hơn thế nữa, không ít những bạn trẻ đam mê thần tượng tới mức quên ăn quên ngủ, liên tục cày view, bỏ thời gian, công sức và tiền bạc để tiếp cận gần hơn với thần tượng của mình mà quên đi nhiệm vụ chính là học hành. Nhiều bạn trẻ trở thành tệ nạn của xã hội khi không đủ tiền để tham gia những show diễn của thần tượng đã đi trộm cắp, sa đọa. Vậy mới nói, thần tượng không đúng cách sẽ gây ra những hậu quả khôn lường.

    Thần tượng là một cách để cho con người hướng tới những điều tốt đẹp, hướng tới những điều mới mẻ, tốt lành. Thần tượng đúng sẽ mang cho chúng ta động lực cũng như sức mạnh để tạo nên thành công trong cuộc sống. Thế nhưng bên cạnh đó, nếu như thần tượng không đúng sẽ gây nên những hậu quả khôn lường, trở thành những kẻ xấu, tệ nạn của xã hội.

    Những ngày gần đây, khi U23 bóng đá Việt Nam đang có những thành tích vang dội trên sân cỏ châu Á. Họ đã trở thành những tấm gương sáng điển hình cho sự cống hiến cho bóng đá nước nhà và trở thành thần tượng của bao người trẻ yêu bóng đá. Khi nhìn vào họ, những bạn trẻ đam mê bóng đá lại có thêm động lực để tiến gần hơn tới ước mơ của mình. Thế nhưng bên cạnh đó, xuất hiện những thần tượng xấu, gây nên những ảnh hưởng tiêu cực tới hành vi cũng như cách cư xử của một số người trẻ. Những hiện tượng như Tùng Sơn, Bella,... sẽ trở thành những tấm gương hành vi xấu, tiêu cực. Hơn thế nữa, không ít bạn trẻ đã trở thành những tên trộm cắp khi không có tiền đua đòi cùng bạn bè. Thậm chí đau lòng hơn, khi phải chứng kiến những hành động đánh chửi bố mẹ khi không cho tiền tham gia show diễn của thần tượng. Mới đây một tờ báo đã đưa tin một thiếu niên trẻ đã giết chết bố mẹ của mình khi không cho cậu tiền để đến tham dự ban nhạc của cậu thần tượng. Điều này là một hệ quả đau lòng cho một thế hệ thanh niên với lối sống và cách thần tượng.

**Đề 4: Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**

Bảo vệ môi trường thiên nhiên chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Đây là một ý kiến hết sức đúng đắn.

    Môi trường thiên nhiên là toàn bộ điều kiện tự nhiên xung quanh như đất, nước, không khí, hệ sinh thái... Bảo vệ môi trường thiên nhiên nghĩa là bảo vệ các yếu tố này và đồng thời đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người.

    Môi trường thiên nhiên đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Không khí đem lại nguồn thí thở vô tận cho con người, cung cấp khí oxi duy trì sự sống cho vạn vật. Nguồn nước sạch phục vụ con người sinh hoạt hằng ngày, đóng vai trò chính trong nông nghiệp, ngư nghiệp. Rừng giúp cân bằng hệ sinh thái, ngăn lũ, xói mòn, điều hòa khí hậu. Đất cung cấp nơi ở, nơi trồng trọt chăn nuôi. Cuộc sống của con người sẽ bị đe dọa khi môi trường dần bị hủy hoại. Trái đất nóng lên khiến băng tan, mực nước biển dâng cao có thể nhấn chìm một số nơi. Tầng ozone bị chọc thủng ngăn cản việc bảo vệ con người khỏi các tia bức xạ. Đất đai, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Tài nguyên rừng có nguy cơ bị cạn kiệt do nạn chặt phá rừng bừa bãi, gây ra hiện tượng lũ quét, sạt lở đất đe dọa đến tính mạng của con người.

   Để bảo vệ cuộc sống của con người, chúng ta cần phải ý thức bảo vệ môi trường cao hơn. Trồng cây, gây rừng, phủ xanh đồi trọc. Thu gom rác thải, đổ rác đúng nơi quy định, tái chế rác thải đúng cách. Sử dụng điện nước tiết kiệm, vệ sinh nơi ở thật sạch sẽ. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường.

    Như vậy, bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của con người. Là một học sinh, em ý thức rõ được trách nhiệm của bản thân cần phải giữ gìn và bảo vệ môi trường ngày càng xanh sạch đẹp hơn.

**Đề 5: Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích**

Việc học hành có tầm quan trọng đặc biệt với mỗi người. Nhưng một số bạn học sinh lại lơ là không biết được rằng: nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích! Những bạn học sinh ấy cần sửa đổi chịu khó học hành để giúp ích cho cuộc sống.

Như chúng ta đã biết, ai sinh ra và lớn lên cũng đều mong sau này sẽ trở thành người có ích. Để làm được điều đó, con người cần phải có tri thức - lĩnh vực đòi hỏi con người phải học tập chăm chỉ, không ngừng tích lũy mới có được. Vậy chúng ta cần hiểu: học tập là gì? “Học tập” là quá trình tiếp tu tri thức, kĩ năng,… vốn có của nhân loại thông qua nhà trường và cuộc sống. Mục đích của việc học là không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết nhằm phục vụ cho bản thân, gia đình và xã hội. “Học” còn là quá trình bồi đắp tâm hồn, rèn giũa nhân cách của mỗi cá nhân. Việc học phải tiến hành ngay từ khi ta còn trẻ. Bởi có tri thức và nhân cách tốt, sau này mới có thể làm được việc có ích, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong lớp có nhiều bạn đã xác định đúng đắn mục đích học tập, đạt thành tích cao khiến cha mẹ, thầy cô vui lòng. Nhưng bên cạnh đó còn một số bạn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc học dẫn đến chểnh mảng, lơ là trong học tập. Các bạn còn mải chơi, bỏ học, trốn tiết, ham đánh điện tử, lười làm bài tập,… nên kết quả ngày càng thấp kém, làm mọi người buồn lòng. Các bạn ấy phải nhanh chóng thay đổi, nếu không sau này sẽ hối tiếc.

Bởi lẽ, tuổi trẻ là lứa tuổi mà cha mẹ, xã hội tạo mọi điều kiện để cho ta học tập. Tuổi trẻ cũng là lứa tuổi nhanh nhạy, dễ dàng tiếp thu kiến thức, cái mới nhất. Càng lớn tuổi, việc học sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Ví dụ cứ thử so sánh việc học ngoại ngữ của một em bé Tiểu học với một người lớn tuổi sẽ thấy sự khác biệt lớn như thế nào. Cha ông ta thường nói: “Ấu bất học, lão hà vi” (Trẻ không học, già chẳng làm được gì). Học tập lúc còn trẻ chính là rèn luyện, tao khả năng học tập sau này. Hay nói cách khác, tuổi trẻ mà không học sẽ khó trở thành người có ích. Nếu lơ là học tập khi còn nhỏ, lớn lên, ta sẽ không có đủ kiến thức vào đời. Thử hỏi cuộc sống của một người trưởng thành sẽ ra sao nếu không tự mình viết nổi một lá đơn xin việc hay thực hiện những phép tính đơn giản? Học tập là một quá trình lâu dài theo một hệ thống từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ cơ bản đến phát triển nâng cao. Trong đó, các lớp dưới là gốc rễ, là nền tảng. Nếu ta không nắm bắt được kiến thức cơ bản thì càng học cao, ta lại càng không hiểu gì. Chính vì vậy, ngay từ đầu, ta phải chịu khó học tập vì nếu ta lơ là thì kiến thức sẽ bị mai một dần, không có nền tảng. Thực tế, có rất nhiều bạn đến lớp không chú ý nghe giảng, không chịu khó đầu tư suy nghĩ, phụ thuộc nhiều vào những bài làm mẫu dẫn đến đầu óc trì trệ, thiếu tính sáng tạo. Trình độ học vấn thấp dẫn đến trình độ suy nghĩ, tiếp thu kém, do đó không có khả năng làm tốt bất cứ công việc nào. Ví như người nông dân dù cần mẫn trên đồng ruộng đến đâu, nếu không có tri thức về cách gieo trồng, chăm sóc cây, cải tạo đất đai, không biết áp dụng khoa học kĩ thuật thì không thể đạt được năng suất cao, thậm chí mất mùa, đói kém. Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nếu không học, chúng ta sẽ không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, không thể khẳng định được bản thân. Tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm, thường dễ sa ngã. Học hành không tới nơi tới chốn, bị bạn xấu rủ rê, sa vào tệ nạn xã hội dần dần sẽ hạn chế trong cách sống, cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh, thậm chí dần mất đi nhân cách, mất khả năng làm việc, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thế hệ trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước. Mỗi cá nhân nếu tích cực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ góp phần rất lớn vào sự phát triển của nước nhà. Có biết bao tấm gương ham học, chủ động sáng tạo đã thành công , mang lại vinh quang cho cá nhân và là niềm tự hào của gia đình, quê hương, đất nước. Ở nước ta, thời Trần có Nguyễn Hiền vốn chỉ là một cậu bé nhà nghèo nhưng vì ham học, biết tận dụng mọi thời gian, kiên trì vươn lên để học tập mà mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên, trở thành Trạng nguyên trẻ tuổi nhất nước ta. Gần đây, năm 2005, Ngô Bảo Châu đã được phong hàm vị giáo sư. Vị giáo sư trẻ tuổi nhất Việt nam này còn được tặng giải thưởng Fields – giải thưởng Toán học cao quý nhất thế giới. Thành công ấy cũng nhờ sự siêng năng tìm tòi sáng tạo, lòng nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu mà có được. Nhìn ra thế giới cũng có nhiều tấm gương rất đáng khâm phục về tinh thần tự học, tự vươn lên trong học tập như: nhà khoa học người Pháp Lu-i Pa-xtơ lúc học phổ thông chỉ là một học sinh trung bình, về môn Hóa ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp. Nhưng với lòng kiên trì, ham học, ông đã trở thành một nhà khoa học nổi tiếng – người đặt nền móng cho ngành vi sinh vật học cận đại. Một tấm gương nữa là Lep Tôn-xtôi, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Chiến tranh và hòa bình” bị đình chỉ học đại học vì “vừa không có ý chí học tập, vừa không có năng lực” nhưng vẫn vươn lên trở thành một nhà văn vĩ đại. Ngày nay, yêu cầu học tập đặt ra với tất cả mọi người, kể cả người tàn tật. Ở nước ta không thiếu những tấm gương sáng về tinh thần hiếu học, ham học hỏi và ý chí vươn lên trở thành người có ích. Anh Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả hai tay từ thủa nhỏ nhưng nhờ kiên trì vượt khó, nỗ lực học tập mà đã trở thành nhà giáo ưu tú, được bao thế hệ học trò quý trọng, mến yêu.Cô gái Việt Anh bị hỏng cả hai mắt nhưng không cam chịu số phận, đã tự mình vươn lên đã trở thành chủ nhân của hai chiếc bằng đại học loại giỏi và là chuyên gia công nghệ thông tin của Hội người mù tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, nỗ lực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ mang lại thành công lớn cho cuộc đời.

Từ những dẫn chứng trên, chúng ta có thể thấy rằng thế hệ trẻ phải chủ động, tích cực học tập. Không học tập sẽ không thể tự trang bị cho mình bất kì kiến thức nào để tự tin bước vào đời. Mỗi tấm gương là một bài học để chúng ta học tập và noi theo. Bản thân mỗi người cần thấy rõ việc học tập là thường xuyên, suốt đời. Có nhiều con đường để học tập thành công : học ở thầy, học ở bạn, học từ thực tế cuộc sống, tự học…Bản thân chúng ta cần thấy rõ việc học tập để trở thành người có ích cho tương lai vừa là quyền lợi, trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của bản thân, đặc biệt trong thời đại nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức và đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, việc học là rất cần thiết để sống có ích, có ý nghĩa. Thế hệ trẻ ngày nay cần phải học tập tự giác, tích cực, xây dựng phong trào học tập không ngừng… để khẳng định được giá trị của bản thân, góp phần vào sự tiến bộ của quê hương, đất nước.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của bài 6 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

- HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

- HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy chiếu, ti vi, đề kiểm tra in sẵn.

**III. Tổ chức dạy học**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\***Cách 1**.GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS. HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút. HS làm việc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ KIỂM TRA BÀI 6, MÔN NGỮ VĂN 7**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Đọc -hiểu | Truyện ngụ ngôn | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | Viết | Viết bài văn nghị luận | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60** | | | | **40** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | Đọc-hiểu | Truyện ngụ ngôn( ngữ liệu ngoài SGK) | **Nhận biết:**  – Xác định ngôi kể, phương thức biểu đạt.   * Xác định biện pháp tu từ   – Nhận biết được đặc điểm nhân vật, cách thể hiện nhân vật  **Thông hiểu:**  **- Xác định đề tài câu chuyện**  - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết sự việc truyện.  - Hiểu được ý nghĩa của biện pháp tu từ sử dụng  - **Vận dụng:**  – Vận dụng hiểu biết để cảm nhận được ý nghĩa của các câu văn/ chi tiết có trong văn bản.  – Vận dụng hiểu biết của bản thân lí giải được vấn đề gợi ra từ chi tiết trong văn bản | **4TN** | **4TN** | **2TL** |  |
|  | Viết | Văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống | **\*Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài văn nghị luận.  - Xác định được vấn đề trong đời sống cần nghị luận.  - Sắp xếp bố cục của bài văn nghị luận.  **\*Thông hiểu:**  - Giải thích được những biểu hiện của hiện tượng đời sống; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đã dạng.  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề: thực trạng, nguyên nhân, các mặt lợi/hại, đúng/sai… của vấn đề đời sống. Có thể đề xuất các giải pháp.  **\*Vận dụng:**  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về vấn đề đời sống.  - Trình bày được ý quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết; đưa ra được lời khuyên nhủ hoặc đề xuất quan niệm, cách ứng xử hợp lí với hiện tượng xã hội.  **\*Vận dụng cao:**  - Sử dụng ngôn từ linh hoạt.  - Có sáng tạo riêng trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **4TN** | **4TN** | **2TL** | **1TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**B. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

## **SÓI VÀ VOI**

Ngày xửa ngày xưa có một anh Sói lười. Nhà cửa của anh, anh chẳng bao giờ quét dọn, sửa sang. Nó bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

Một hôm, bác Voi đi qua, chẳng may đụng nhẹ vào làm đổ mái nhà anh Sói.

– Xin lỗi anh bạn! – Bác Voi nói với Sói – Tôi sẽ sửa ngay cho anh.

Bác Voi vốn là người giỏi giang, cái gì cũng biết và không sợ công việc. Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói. Mái nhà trở nên chắc chắn hơn trước…

– Ô hô! – Anh Sói bụng bảo dạ – Rõ ràng là lão ta sợ mình! Thoạt đầu đã phải xin lỗi, sau đó còn sửa lại cả mái nhà. Mình phải bắt lão ta làm cho mình một cái nhà mới mới được! Lão sợ, ắt phải nghe theo!

– Này, đứng lại! – [Sói quát bảo Voi](https://thegioicotich.vn/soi-va-voi/) – Lão làm cái thói gì thế? Lão tưởng có thể bỏ đi một cách dễ dàng thế chắc? Làm đổ nhà người ta, đóng qua loa được mấy cái đinh rồi định chuồn à? Biết điều thì đi làm cho ta một cái nhà mới! Bằng không ta sẽ cho một bài học, đừng hòng mong thấy lại bà con thân thích! Nhanh lên!

Nghe Sói nói những lời ấy, bác Voi không nói gì cả. Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi đè bẹp dí nhà Sói.

– Này, nhà mới này! – Bác Voi nói rồi đi thẳng.

Tỉnh dậy, Sói ngạc nhiên tự hỏi:

– Mình thật không hiểu gì cả! Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này… Thật không sao hiểu nổi!

Nhìn thấy hết mọi chuyện, bác Quạ già trên cây nói vọng xuống:

– Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt.

***Câu chuyện Sói và Voi*** – Truyện ngụ ngôn cho bé – TheGioiCoTich.Vn –

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của văn bản trên:

* + 1. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba C. Cả A và B D. Không có ngôi kể

**Câu 2.** Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt có trong đoạn trích?

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

B. Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, nghị luận

D. Miêu tả, nghị luận, thuyết minh

**Câu 3.**Tác giả ngụ ngôn đã dùng những tính từ nào để miêu tả ngôi nhà của Sói?

1. Bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống B. Bẩn thỉu, rách nát
2. Sạch sẽ, rách nát. C. Bẩn thỉu, lụp xụp

**Câu 4**: Đề tài trong truyện ngụ ngôn trên:

1. Sói và Voi B. Các loài động vật

C.Bài học nhận lỗi và sửa lỗi D. Chuyện sửa nhà cho Sói

**Câu 5*.*** Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu: *“Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này… Thật không sao hiểu nổi!”.*

1. Biểu đạt ý còn nhièu sự việc chưa liệt kê hết
2. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
3. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt
4. Thê hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

**Câu 6.** Khi làm đổ nhà của Sói, bác voi có hành động như thế nào?

1. Không nói gì và lẳng lặng bỏ đi
2. Xin lỗi và bỏ đi
3. Xin lỗi và sửa lại nhà cho sói
4. Không nói gì và lẳng lặng sửa lại nhà cho sói.

**Câu 7.** Truyện ngụ ngôn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

1. Ẩn dụ
2. Hoán dụ
3. So sánh
4. Nhân hoá

**Câu 8.** Vì sao đến cuối truyện, Voi lại có hành động **“**Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi đè bẹp dí nhà Sói”?

1. Vì Sói huênh hoang, nghĩ Voi sợ mình nên quát nạt Voi
2. Vì Voi không muốn sửa nhà cho Sói
3. Vì Sói không biết nhận lỗi và sửa lỗi
4. Vì Voi cậy mình khoẻ hơn, bắt nạt Sói

**Câu 9.** Câu nói của bác Quạ: **“**Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học gì?

**Câu 10**. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 3 - 5 câu) sự cần thiết của việc nhận lỗi và sửa lỗi trong đời sống.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Tục ngữ có câu: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn,* em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về câu tục ngữ trên.

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**

**Phần I. Đọc hiểu( 6 điểm)**

**Câu 1- 8: Mỗi câu đúng ( 0,5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **C** | **D** | **C** | **D** | **A** |

**Câu 9 (1,0 điểm).**

Câu nói của bác Quạ: **“**Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học:

- Nhận biết được sự khác biệt giứa người có giáo dục tốt và kẻ tiểu nhân: người có giáo dục là người dám nhận lỗi và biết sửa lỗi của mình; còn kẻ tiểu nhân là kẻ thiếu sự can đảm nhận sai, luôn tìm mọi cách đổ lỗi cho người khác.

- Khi có lỗi, ta hãy can đảm nhận lỗi và nhận trách nhiệm để sửa chữa những lỗi lầm ấy!

**Câu 10 (1,0 điểm).**

* Đảm bảo hình thức đoạn văn.
* Nội dung*:*

+ Biết nhận lỗi làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn; dung hoà các mối quan hệ, tránh những mâu thuẫn không đáng có

+ Việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

+ Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao….

II. Viết (4,0 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Yêu cầu mức độ đạt được** | **Mức điểm** |
| **1.Yêu cầu chung:**  HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận. Bài viết phải có bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | | | |
| **2.Yêu cầu cụ thể** | | | |
| ***2.1.*** *Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài văn.* | | | 0, 25 |
| 2.2. *Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận* | | | 0, 25 |
| *2.3. Triển khai hợp lý nội dung bài văn.* Co thể viết bài văn theo hướng sau: | | |  |
| **MB:** | Nêu lí do muốn chia sẻ vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài nghị luận (bày tỏ thái độ tán thành)  Cuộc đời là những chuyến đi, bởi sau mỗi chuyến đi đó con người sẽ trưởng thành hơn. Câu tục ngữ: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn* thật đúng và sâu sắc. | | 0,25 |
| **TB:** | * Vấn đề gợi ra cách hiểu nào? * “Đi” hoạt động vật lý của bước chân 🡪 hoạt động giao lưu, học hỏi, tiếp xúc với bên ngoài. * “một ngày đàng” đơn vị đo lường thời gian 🡪thời gian để trải nghiêm, khám phá thế giới bên ngoài. * “học” là hoạt động tích luỹ tri thức, mở rộng vốn hiểu biết. * “sàng khôn” là lương kết quả thu được sau những trải nghiệm, tìm tòi.   🡪Ý nghĩa: Mỗi hoạt động trải nghiệm, tìm tòi đều mang đến những tri thức, hiểu biết về cuộc sống, xã hội.  \*Vì sao bày tỏ thái độ tán thành?  Tri thức của loài người là đại dương mênh mông rộng lớn, muốn tiếp thu được khối lượng tri thức khổng lồ ấy không cách gì tốt hơn đó chính là học. Cũng bởi vậy mà ông cha ta có câu tục ngữ thật đúng đắn: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”.  \*Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?  - Ý 1: Khía cạnh thứ nhất thể hiện sự tán thành (lí lẽ, bằng chứng): Ý nghĩa thiết thực của việc: ĐI một ngày đàng, học một sàng khôn.  + Đi nhiều, bạn sẽ tích luỹ được nhiều kinh nghiệm cho chính mình và thu nhận những kiến thức mới mẻ, tích luỹ vốn sống tích cực.  + Dẫn chứng: Bác Hồ, các doanh nhận,…   * Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng): Hạn chế cho những người không muốn: Đi một ngày đàng học một sàng khôn.   Cách sống an nhàn, yên bình, chọn lối sống “người trong bao” thu mình mà không dám ra ngoài xã hội để học hỏi, tiếp thu, thích ứng với những cái mới, thì một ngày nào đó sẽ mất đi vị trí của mình, mất đi năng lực tự khẳng định mình trong xã hội.   * Bàn luận mở rộng: Cần phê phán thói quen học vẹt, học tủ, lười biếng, ngại vận động, ngại di chuyển, thụ động, hèn nhát, không có tinh thần phấn đấu học tập vươn lên. * Bài học nhận thức và hành động: Đối với một học sinh, chúng ta cần phải tích cực trải nghiệm nhiều hơn. Mỗi một hành trình đều sẽ giúp nâng cao kiến thức, tích luỹ kỹ năng cần thiết để tiến tới thành công. | | 2,0 |
| **KB** | Rút ra ý nghĩa của ý kiến được tán thành | | 0,25 |
| 2.4. Sáng tạo: Diễn đạt độc đáo và sáng tạo , có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | | | 0,25 |
| 2.6. Chữ viết, chính tả, trình bày: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | | | 0,25 |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.